

Số: **20**/2020/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **18** tháng **9** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho loại hình xe buýt nhanh
BRT trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy
định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công
sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Thông tư số 65/2014/TT-BGTVT ngày 10/11/2014 của Bộ Giao
thông vận tải ban hành Định mức khung kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho vận tải
hành khách công cộng bằng xe buýt;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 10/4/2020 của Bộ Lao
động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xác định chi phí tiền lương, chi
phí nhân công trong giá, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng kinh phí ngân
sách nhà nước do doanh nghiệp thực hiện;*

*Theo đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 3237/TTr-
SGTVT ngày 28/7/2020 và Công văn số 4484/SGTVT-KHTC ngày 9/9/2020
về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật cho loại hình xe buýt nhanh BRT
trên địa bàn thành phố Hà Nội.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành bộ định mức kinh tế kỹ thuật cho loại hình xe buýt
nhanh BRT trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Bộ định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng đối với loại hình vận tải hành
khách công cộng bằng xe buýt nhanh BRT trên địa bàn Thành phố. Trong quá
trình triển khai thực hiện, giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở
Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tổ chức rà soát các nội dung còn
chưa hợp lý (nếu có), tổng hợp, tham mưu, báo cáo UBND Thành phố xem xét,
điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

Hus

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện xây dựng đơn giá cho loại hình xe buýt nhanh BRT trên địa bàn thành phố Hà Nội, trình UBND Thành phố ban hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2020.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố Hà Nội; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã Sơn Tây, Tổng giám đốc Tổng công ty vận tải Hà Nội và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Lao động thương binh và xã hội;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- VP UBND TP: CVP, các PCVP, TH, KT, ĐT;
- Lưu: VT, ĐT.

33176-21

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu

**PHỤ LỤC: ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CHO LOẠI HÌNH XE
BUÝT NHANH BRT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*(Kèm theo Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của
Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

**ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG CHO LÁI XE VÀ NHÂN VIÊN PHỤC VỤ NHÀ CHỜ XE
BUÝT NHANH BRT**

TT	Chỉ tiêu Kinh tế - Kỹ thuật	Đơn vị	Định mức	
			Lái xe	Nhân viên phục vụ nhà chờ
1	Thời gian làm việc một ca	Phút	420	480
2	Số ngày làm việc trong năm	Ngày	287	287
3	Số ngày làm việc trong tháng	Ngày	24	24
4	Số ca xe bình quân/ngày	Ca/ngày	2,31	2,5
5	Hành trình BQ một ca xe (từ 01/01/2017 đến hết ngày 19/5/2019)	Km/ca	66	66
	Hành trình BQ một ca xe (từ 20/5/2019 trở đi)	Km/ca	71	71
6	Bình quân nhân viên phục vụ nhà chờ/1 nhà chờ	Người/nhà chờ	-	1,6

**ĐỊNH MỨC TIỀN LƯƠNG LÁI XE VÀ NHÂN VIÊN PHỤC VỤ NHÀ CHỜ XE BUÝT
NHANH BRT**

TT	Chỉ tiêu Kinh tế - Kỹ thuật	Đơn vị	Định mức Buýt BRT
1	Bậc lương lái xe	Bậc	3/4 - 4/4
2	Hệ số lương lái xe		4,11 - 4,82
3	Bậc lương nhân viên phục vụ nhà chờ xe buýt nhanh BRT	Bậc	4/7
4	Hệ số lương nhân viên phục vụ nhà chờ xe buýt nhanh BRT		2,71
5	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương đối với lái xe		1,8
6	Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương đối với nhân viên phục vụ nhà chờ xe buýt nhanh BRT		1,2
7	Tiền lương cơ sở	Theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước	

Ghi chú:

1. Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp.
2. Ăn ca
3. Lương cơ sở

Theo chế độ quy định hiện hành của Nhà nước

4. Lương công nhân lái xe, nhân viên phục vụ nhà chờ xe buýt nhanh BRT = Hệ số lương x Mức lương cơ sở x (1 + Hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương) + Lương ngày lễ tết.

ĐỊNH MỨC TIÊU HAO NHIÊN LIỆU TRUNG BÌNH

TT	Loại xe	Đơn vị	Định mức
1	Buýt BRT	Lít/100 km	42,2

ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH THUÊ ĐẤT

Loại xe	Buýt BRT
Diện tích (m2)	149

ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP 1

LOẠI XE	BẢO DƯỠNG CẤP I (Km)
XE BUÝT BRT	4.000

QUY ĐỊNH NỘI DUNG BẢO DƯỠNG CẤP I CHO XE BRT

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: Vỗ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát.
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành khi động cơ còn hoạt động; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Kiểm tra, hiệu chỉnh độ kín của các ống dẫn dầu bôi trơn, nhiên liệu, nước làm mát (các ống dẫn chất lỏng) và ống dẫn khí nén.
5	Kiểm tra liên kết khoang máy: Phân máy với khung xe (lực xiết theo tiêu chuẩn nhà sản xuất); Kiểm tra, xiết chặt các mối ghép trong khoang máy.
6	Tháo vệ sinh lọc gió, kiểm tra sự làm việc bình thường của hòng hút.
7	Kiểm tra, điều chỉnh độ căng của các dây đai dây curoa.
8	Kiểm tra xiết chặt các liên kết (rô tuyền) của hệ thống lái: Rô tuyền ba ngang, rô tuyền ba dọc (các liên kết hệ thống lái).
9	Kiểm tra, xiết chặt hệ thống treo, truyền lực: Kiểm tra tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo, chân hộp số (thay thế nếu không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật); Kiểm tra xiết chặt mặt bích các đăng, bi chữ thập.
10	Kiểm tra, điều chỉnh độ rơ cụm chi tiết điều khiển áp suất bóng hơi tại bốn bánh xe (đảm bảo chiều cao tiêu chuẩn từ mặt đất đến sàn xe ở trạng thái tĩnh 650 mm) Kiểm tra sự hoạt động bình thường của hệ thống nâng, hạ sàn xe; hệ thống nghiêng thân xe trợ giúp người khuyết tật
11	Kiểm tra, điều chỉnh hành trình tự do của bàn đạp phanh, độ nhạy của bàn đạp ga.
12	Kiểm tra mức dầu của các tổng thành, cụm tổng thành, hệ thống theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: Động cơ, hộp số, cầu sau, dầu trợ lực lái. Bỏ sung nếu thiếu, thay dầu khi đến định ngạch. Kiểm tra nước làm mát động cơ, nước rửa kính. Bỏ sung nếu thiếu, thay thế khi đến định ngạch.

STT	Nội dung công việc
13	Kiểm tra, xả nước ở các vị trí: Lọc tách nước, các bình chứa khí nén trên xe.
14	Kiểm tra điều chỉnh tác dụng của phanh tay, phanh chân theo các thông số kỹ thuật chuẩn.
15	Kiểm tra chất lượng bình điện (bổ thêm nước cất, nạp điện), rửa sạch mặt bình điện, thông lỗ thoát hơi, đánh sạch các đầu cực bình điện và bôi một lớp mỡ mỏng.
16	Kiểm tra độ đảo, độ mòn bất thường của lốp xe, áp suất lốp, điều chỉnh độ chụm bánh xe (nếu cần).
17	Kiểm tra và điều chỉnh tình trạng của các cửa và sự làm việc của hệ thống đóng mở cửa bằng điện, hoặc bằng hơi.
18	Kiểm tra sự hoạt động bình thường của nguồn điện: công tắc nguồn, tiếp mát, công tắc đèn trên bảng táp lô. Kiểm tra sự hoạt động của hệ thống điều hòa, vệ sinh lưới lọc điều hòa, nút lọc điều hòa, cửa chia gió. Kiểm tra ga, dầu điều hòa (bổ sung nếu thiếu).
19	Bơm mỡ vào các vị trí có vú mỡ và tra mỡ vào các vị trí cần thiết (như con lăn cánh cửa).
20	Kiểm tra tình trạng hoạt động của các đồng hồ hiển thị thường xuyên và đồng hồ cảnh báo trên bảng táp lô. Đọc lỗi bằng máy chuẩn đoán khi có sự cố
21	Kiểm tra xiết chặt cột chống, tay vịn, chân ghế, tay gương, bản lề cửa.
22	Hệ thống tiếp cận nhà chờ và hệ thống hỗ trợ người tàn tật: Tháo ốp chắn bụi dưới gầm, vệ sinh sơ bộ cơ cấu; Kiểm tra và điều chỉnh sự hoạt động, độ rơi các khớp nối; Kiểm tra bộ phận làm việc gồm: pít tông đẩy, bi trượt; Kiểm tra hệ thống điện điều khiển, hệ thống van từ, đường hơi điều khiển hệ thống; Bơm, tra mỡ vào các vị trí quy định; Lắp ốp chắn bụi dưới gầm và kiểm tra sự hoạt động của hệ thống.
23	Hệ thống đóng mở cửa tự động (đỗ xe chính xác: mắt thần): Vệ sinh hệ thống cảm biến ngoài xe; Kiểm tra sự hoạt động bình thường của nguồn điện, cảm biến.
24	Hệ thống camera quan sát: Vệ sinh đầu camera, các giác nối tín hiệu; Kiểm tra điều chỉnh góc nhìn hệ thống, màn hình hiển thị; sự động bình thường của hệ thống nguồn điện.
25	Hệ thống đèn Led, GPS, Loa: Kiểm tra, vệ sinh bảng đèn Led hiển thị; Kiểm tra, vệ sinh giác cắm; Kiểm tra sự hoạt động bình thường của hệ thống định vị, loa đọc điểm dừng trên xe.
26	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP I

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động thực hiện (giờ)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,5	3
2	Rửa xe: Vỗ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa kết nước làm mát.	2,5	3
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành khi động cơ còn hoạt động; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	0,5	3

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động thực hiện (giờ)	Cấp bậc công việc
4	Kiểm tra, hiệu chỉnh độ kín của các ống dẫn dầu bôi trơn, nhiên liệu, nước làm mát (các ống dẫn chất lỏng) và ống dẫn khí nén.	1,0	4
5	Kiểm tra liên kết khoang máy: Phân máy với khung xe (lực xiết theo tiêu chuẩn nhà sản xuất); Kiểm tra, xiết chặt các mối ghép trong khoang máy.	0,5	3
6	Tháo vệ sinh lọc gió, kiểm tra sự làm việc bình thường của hòng hút.	0,5	5
7	Kiểm tra, điều chỉnh độ căng của các dây đai dây curoa.	0,5	3
8	Kiểm tra xiết chặt các liên kết (rô tuyn) của hệ thống lái: Rô tuyn ba ngang, rô tuyn ba dọc (các liên kết hệ thống lái).	1,0	3
9	Kiểm tra, xiết chặt hệ thống treo, truyền lực: Kiểm tra tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo, chân hộp số (thay thế nếu không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật); Kiểm tra xiết chặt mặt bích các đăng, bích chữ thập.	1,5	4
10	Kiểm tra, điều chỉnh độ rơ cụm chi tiết điều khiển áp suất bóng hơi tại bốn bánh xe (đảm bảo chiều cao tiêu chuẩn từ mặt đất đến sàn xe ở trạng thái tĩnh 650 mm) Kiểm tra sự hoạt động bình thường của hệ thống nâng, hạ sàn xe; hệ thống nghiêng thân xe trợ giúp người khuyết tật. (gộp 2 bước công việc 12-13)	1,0	5
11	Kiểm tra, điều chỉnh hành trình tự do của bàn đạp phanh, độ nhạy của bàn đạp ga.	0,4	4
12	Kiểm tra mức dầu của các tổng thành, cụm tổng thành, hệ thống theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: Động cơ, hộp số, cầu sau, dầu trợ lực lái. Bổ sung nếu thiếu, thay dầu khi đến định ngạch. Kiểm tra nước làm mát động cơ, nước rửa kính. Bổ sung nếu thiếu, thay thế khi đến định ngạch.	1,0	4
13	Kiểm tra, xả nước ở các vị trí: Lọc tách nước, các bình chứa khí nén trên xe.	0,5	3
14	Kiểm tra điều chỉnh tác dụng của phanh tay, phanh chân theo các thông số kỹ thuật chuẩn.	1,0	4
15	Kiểm tra chất lượng bình điện (bổ thêm nước cất, nạp điện), rửa sạch mặt bình điện, thông lỗ thoát hơi, đánh sạch các đầu cực bình điện và bôi một lớp mỡ mỏng.	0,5	4
16	Kiểm tra độ đảo, độ mòn bất thường của lốp xe, áp suất lốp, điều chỉnh độ chụm bánh xe (nếu cần).	0,8	3
17	Kiểm tra và điều chỉnh tình trạng của các cửa và sự làm việc của hệ thống đóng mở cửa bằng điện, hoặc bằng hơi.	1,0	4
18	Kiểm tra sự hoạt động bình thường của nguồn điện: công tắc nguồn, tiếp mát, công tắc đèn trên bảng táp lô.	3,0	4

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động thực hiện (giờ)	Cấp bậc công việc
	Kiểm tra sự hoạt động của hệ thống điều hòa, vệ sinh lưới lọc điều hòa, nút lọc điều hòa, cửa chia gió. Kiểm tra ga, dầu điều hòa (bổ sung nếu thiếu).		
19	Bơm mỡ vào các vị trí có vú mỡ và tra mỡ vào các vị trí cần thiết (như con lăn cánh cửa).	1,0	3
20	Kiểm tra tình trạng hoạt động của các đồng hồ hiển thị thường xuyên và đồng hồ cảnh báo trên bảng táp lô. Đọc lỗi bằng máy chuẩn đoán khi có sự cố	0,5	5
21	Kiểm tra xiết chặt cột chống, tay vịn, chân ghế, tay gương, bản lề cửa.	0,5	3
22	Hệ thống tiếp cận nhà chờ và hệ thống hỗ trợ người tàn tật: Tháo ốp chắn bụi dưới gầm, vệ sinh sơ bộ cơ cấu; Kiểm tra và điều chỉnh sự hoạt động, độ rơi các khớp nối; Kiểm tra bộ phận làm việc gồm: pít tông đẩy, bi trượt; Kiểm tra hệ thống điện điều khiển, hệ thống van từ, đường hơi điều khiển hệ thống; Bơm, tra mỡ vào các vị trí quy định; Lắp ốp chắn bụi dưới gầm và kiểm tra sự hoạt động của hệ thống.	2,0	3.5
23	Hệ thống đóng mở cửa tự động (đỗ xe chính xác: mất thần): Vệ sinh hệ thống cảm biến ngoài xe; Kiểm tra sự hoạt động bình thường của nguồn điện, cảm biến.	1,0	5
24	Hệ thống camera quan sát: Vệ sinh đầu camera, các giác nối tín hiệu; Kiểm tra điều chỉnh góc nhìn hệ thống, màn hình hiển thị; sự động bình thường của hệ thống nguồn điện.	1,0	5
25	Hệ thống đèn Led, GPS, Loa: Kiểm tra, vệ sinh bảng đèn Led hiển thị; Kiểm tra, vệ sinh giác cắm; Kiểm tra sự hoạt động bình thường của hệ thống định vị, loa đọc điểm dừng trên xe.	1,0	5
26	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	0,5	4
	Tổng	25,2	

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ CHO BẢO DƯỠNG CẤP I

TT	Tên vật tư phụ tùng	Đơn vị	Số lượng	Định ngạch (km)
1	Dầu rửa	Lít	1,0	4.000
2	Mỡ bơm ESP2	Kg	1,0	4.000
3	Giẻ lau	Kg	1,0	4.000

Ghi chú: Dầu máy, dầu cầu, dầu hộp số, dầu trợ lực lái được bổ sung thêm 3 – 5% trong kỳ bảo dưỡng cấp 1.

ĐỊNH NGẠCH BẢO DƯỠNG CẤP II

LOẠI XE	BẢO DƯỠNG CẤP I (Km)
XE BUÝT BRT	12.000

QUY ĐỊNH NỘI DUNG BẢO DƯỠNG CẤP II CHO XE BRT

STT	Nội dung công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; Dụng cụ, vật tư, phụ tùng.
2	Rửa xe: Vỏ xe, gầm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát.
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành khi động cơ còn hoạt động; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.
4	Tháo rời cụm bánh xe trước, tháo rời moay ơ rửa sạch. Kiểm tra bi moay ơ, phốt moay ơ, má phanh, đĩa phanh (thay thế má phanh, đĩa phanh nếu mòn hỏng). Thay mỡ moay ơ mới.
5	Tháo rời cụm bánh xe sau, tháo rời moay ơ rửa sạch. Kiểm tra bi moay ơ, phốt moay ơ, má phanh, đĩa phanh (thay thế má phanh, đĩa phanh nếu mòn hỏng).
6	Kiểm tra khe hở nhiệt xu páp, xiết chặt bu lông mặt máy ở chu kỳ bảo dưỡng cấp 2 có số km đạt: 48.000 km
7	Tháo vệ sinh lọc gió (thay thế khi đến định ngạch), kiểm tra sự làm việc bình thường của hòng hút.
8	Kiểm tra, hiệu chỉnh độ kín của các ống dẫn dầu bôi trơn, nhiên liệu, nước làm mát (các ống dẫn chất lỏng) và ống dẫn khí nén. Kiểm tra căn bản của thùng chứa nhiên liệu (nếu phát hiện có dấu hiệu nghi ngờ bị bẩn).
9	Kiểm tra, điều chỉnh độ căng của các dây đai dây curoa. Kiểm tra nước làm mát động cơ, nước rửa kính. Bỏ sung nếu thiếu, thay thế khi đến định ngạch.
10	Kiểm tra, xiết chặt hệ thống treo, truyền lực: Kiểm tra tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo, giảm sóc, chân hộp số (thay thế nếu không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật); Kiểm tra xiết chặt mặt bích các đăng, bi chữ thập (thay thế nếu hỏng hoặc đến định ngạch).
11	Kiểm tra, điều chỉnh độ rơ cụm chi tiết điều khiển áp suất bóng hơi tại bốn bánh xe (đảm bảo chiều cao tiêu chuẩn từ mặt đất đến sàn xe ở trạng thái tĩnh 650 mm). Kiểm tra sự hoạt động bình thường của hệ thống nâng, hạ sàn xe; hệ thống nghiêng thân xe trợ giúp người khuyết tật. Sửa chữa thay thế các chi tiết hỏng
12	Kiểm tra xiết chặt các liên kết (rô tuyn) của hệ thống lái: Rô tuyn ba ngang, rô tuyn ba dọc (các liên kết hệ thống lái).
13	Thay dầu động cơ và bầu lọc. Kiểm tra mức dầu của các tổng thành, cụm tổng thành, hệ thống theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất: Động cơ, hộp số, lọc dầu hộp số, cầu sau, dầu trợ lực lái, lọc dầu trợ lực lái. Bỏ sung nếu thiếu, thay dầu khi đến định ngạch.
14	Thay lọc nhiên liệu tinh, lọc nhiên liệu thô khi đến định ngạch
15	Kiểm tra, điều chỉnh hành trình tự do của bàn đạp phanh, độ nhạy của bàn đạp ga. Kiểm tra, xả nước ở các vị trí: Lọc tách nước, các bình chứa khí nén trên xe. Thay lọc khí nén khi đến định ngạch
16	Kiểm tra chất lượng bình điện (bổ thêm nước cất, nạp điện), rửa sạch mặt bình điện, thông lỗ thoát hơi, đánh sạch các đầu cực bình điện và bôi một lớp mỡ mỏng.

STT	Nội dung công việc
17	Tháo bảo dưỡng máy phát, máy khởi động, đánh sạch cổ góp, kiểm tra than, thay thế khi đến định ngạch.
18	Kiểm tra tình trạng hoạt động của các đồng hồ hiển thị thường xuyên và đồng hồ cảnh báo trên bảng táp lô. Chẩn đoán phát hiện hư hỏng. Kiểm tra hoạt động của: Hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống đèn tín hiệu, còi, gạt mưa,...
19	Kiểm tra liên kết khoang máy: Phần máy với khung xe (lực xiết theo tiêu chuẩn nhà sản xuất); Kiểm tra, xiết chặt các mối ghép trong khoang máy.
20	Kiểm tra độ đảo, độ mòn bất thường của lốp xe, áp suất lốp, độ rơ hệ thống lái, điều chỉnh độ chụm bánh xe (nếu cần).
21	Kiểm tra sự hoạt động bình thường của nguồn điện: công tắc nguồn, tiếp mát, công tắc đèn trên bảng táp lô,... chẩn đoán phát hiện hư hỏng. Kiểm tra sự hoạt động của hệ thống điều hòa; vệ sinh lưới lọc điều hòa, nút lọc điều hòa, cửa chia gió. Kiểm tra ga, dầu điều hòa (bổ sung nếu thiếu). Tháo kiểm tra mô tơ quạt giàn nóng, dàn lạnh. Thay thế chổi than khi hỏng hoặc khi đến định ngạch. Vệ sinh dàn nóng, lạnh của hệ thống điều hòa.
22	Bơm mỡ vào các vị trí có vú mỡ và tra mỡ vào các vị trí cần thiết (như con lăn cánh cửa).
23	Kiểm tra và điều chỉnh tình trạng của các cửa và sự làm việc của hệ thống đóng mở cửa bằng điện, hoặc bằng hơi.
24	Kiểm tra xiết chặt cột chống, tay vịn, chân ghế, tay gương, bản lề cửa.
25	Hệ thống tiếp cận nhà chờ và hệ thống hỗ trợ người tàn tật: Kiểm tra sự hoạt động, tháo hạ hệ thống kiểm tra bị trượt, xi lanh cửa hơi, van từ điều khiển,... tra mỡ vào các khớp trượt. Thay bi khi đến định ngạch hoặc hỏng, lắp lên như ban đầu.
26	Hệ thống đóng mở cửa tự động (đỗ xe chính xác: mắt thần): Vệ sinh hệ thống cảm biến ngoài xe; Kiểm tra sự hoạt động bình thường của nguồn điện, cảm biến.
27	Hệ thống camera quan sát: Vệ sinh đầu camera, các giác nối tín hiệu; Điều chỉnh góc nhìn hệ thống (nếu cần), màn hình hiển thị; sự động bình thường của nguồn điện.
28	Hệ thống đèn Led, GPS, Loa: Kiểm tra, vệ sinh bảng đèn Led hiển thị; Kiểm tra, vệ sinh giác cắm; Kiểm tra sự hoạt động bình thường của hệ thống định vị, loa đọc điểm dừng trên xe.
29	Kiểm tra nghiệm thu hiệu lực phanh, trượt ngang bằng thiết bị.
30	Đi thử nghiệm chất lượng bảo dưỡng và các yêu cầu khác sau khi bảo dưỡng.
31	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG BẢO DƯỠNG CẤP II

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động thực hiện (giờ)	Cấp bậc công việc
1	Chuẩn bị tác nghiệp: Hồ sơ bảo dưỡng, phân công nhiệm vụ; dụng cụ, vật tư, phụ tùng.	0,6	3
2	Rửa xe: Vò xe, găm xe, dàn nóng dàn lạnh điều hòa; Rửa két nước làm mát.	3,0	3

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động thực hiện (giờ)	Cấp bậc công việc
3	Bắt đầu tác nghiệp: Đưa xe vào vị trí theo quy định; kiểm tra sơ bộ sự hoạt động của các hệ thống, tổng thành, cụm thành khi động cơ còn hoạt động; Kê kích xe cẩn thận, chắc chắn theo quy định.	1,5	5
4	Tháo rời cụm bánh xe trước, tháo rời moay ơ rửa sạch. Kiểm tra bi moay ơ, phốt moay ơ, má phanh, đĩa phanh (thay thế má phanh, đĩa phanh nếu mòn hỏng). Thay mỡ moay ơ mới.	7,0	4
5	Tháo rời cụm bánh xe sau, tháo rời moay ơ rửa sạch. Kiểm tra bi moay ơ, phốt moay ơ, má phanh, đĩa phanh (thay thế má phanh, đĩa phanh nếu mòn hỏng).	7,0	4
6	Kiểm tra khe hở nhiệt xu páp, xiết chặt bu lông mặt máy ở chu kỳ bảo dưỡng cấp 2 có số km đạt: 48.000 km	2,5	5
7	Tháo vệ sinh lọc gió (thay thế khi đến định ngạch), kiểm tra sự làm việc bình thường của hòng hút.	1,0	3
8	Kiểm tra, hiệu chỉnh độ kín của các ống dẫn dầu bôi trơn, nhiên liệu, nước làm mát (các ống dẫn chất lỏng) và ống dẫn khí nén. Kiểm tra căn bản của thùng chứa nhiên liệu (nếu phát hiện có dấu hiệu nghi ngờ bị bẩn).	1	3
9	Kiểm tra, điều chỉnh độ căng của các dây đai dây curoa. Kiểm tra nước làm mát động cơ, nước rửa kính. Bổ sung nếu thiếu, thay thế khi đến định ngạch.	1,5	3
10	Kiểm tra, xiết chặt hệ thống treo, truyền lực: Kiểm tra tình trạng kỹ thuật của bóng hơi; tình trạng kỹ thuật của các khớp nối cao su liên kết hệ thống treo, giảm sóc, chân hộp số (thay thế nếu không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật); Kiểm tra xiết chặt mặt bích các đăng, bi chữ thập (thay thế nếu hỏng hoặc đến định ngạch).	3,5	4
11	Kiểm tra, điều chỉnh cụm van điều khiển bóng hơi tại 4 bánh xe đảm bảo: Chiều cao sàn xe so với mặt đất 650 mm và bằng phẳng ở trạng thái tĩnh. Sửa chữa thay thế các chi tiết hỏng. Kiểm tra sự hoạt động bình thường của hệ thống nâng, hạ sàn xe; hệ thống nghiêng thân xe trợ giúp người khuyết tật. (GỘP 2 bước 15,16)	2,0	5
12	Kiểm tra xiết chặt các khớp nối (rô tuyn) của hệ thống lái: Rô tuyn ba ngang, rô tuyn ba dọc,...	1,5	5
13	Thay dầu động cơ, bầu lọc. Kiểm tra mức dầu: hộp số, lọc dầu hộp số, cầu sau, dầu trợ lực lái, lọc dầu trợ lực lái. Bổ sung nếu thiếu, thay dầu khi đến định ngạch.	4,0	4
14	Thay lọc nhiên liệu tinh, lọc nhiên liệu thô khi đến định ngạch	1,0	4
15	Kiểm tra, điều chỉnh hành trình tự do của bàn đạp phanh, độ nhay của bàn đạp ga. Kiểm tra, xả nước ở các vị trí: các bình chứa khí nén trên xe. Thay lọc khí nén khi đến định ngạch.	2,0	5

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động thực hiện (giờ)	Cấp bậc công việc
16	Kiểm tra chất lượng bình điện (bổ thêm nước cất, nạp điện), rửa sạch mặt bình điện, thông lỗ thoát hơi, đánh sạch các đầu cực bình điện và bôi một lớp mỡ mỏng.	1,0	4
17	Tháo bảo dưỡng máy phát, máy khởi động, đánh sạch cổ góp, kiểm tra than, thay thế khi đến định ngạch.	3,5	4
18	Kiểm tra tình trạng hoạt động của các đồng hồ hiển thị thường xuyên và đồng hồ cảnh báo trên bảng táp lô. Chẩn đoán phát hiện hư hỏng. Kiểm tra hoạt động của: Hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống đèn tín hiệu, còi, gạt mưa,...	3,5	5
19	Kiểm tra liên kết khoang máy: Phần máy với khung xe (lực xiết theo tiêu chuẩn nhà sản xuất); Kiểm tra, xiết chặt các mối ghép trong khoang máy.	2,5	4
20	Kiểm tra độ đảo, độ mòn bất thường của lốp xe, áp suất lốp, độ rơ hệ thống lái, điều chỉnh độ chụm bánh xe (nếu cần).	3,0	4
21	Kiểm tra sự hoạt động bình thường của nguồn điện: công tắc nguồn, tiếp mát, công tắc đèn trên bảng táp lô,... chẩn đoán phát hiện hư hỏng. Kiểm tra sự hoạt động của hệ thống điều hòa; vệ sinh lưới lọc điều hòa, nút lọc điều hòa, cửa chia gió. Kiểm tra ga, dầu điều hòa (bổ sung nếu thiếu). Tháo kiểm tra mô tơ quạt giàn nóng, dàn lạnh. Thay thế chổi than khi hỏng hoặc khi đến định ngạch. Vệ sinh dàn nóng, lạnh của hệ thống điều hòa.	5,0	4
22	Bơm mỡ vào các vị trí có vú mỡ và tra mỡ vào các vị trí cần thiết (như con lăn cánh cửa).	1,0	3
23	Kiểm tra và điều chỉnh tình trạng của các cửa và sự làm việc của hệ thống đóng mở cửa bằng điện, hoặc bằng hơi.	1,0	4
24	Kiểm tra xiết chặt cột chống, tay vịn, chân ghế, tay gương, bản lề cửa.	0,5	3
25	Tháo hạ hệ thống tiếp cận nhà chờ kiểm tra xi lanh hơi, bi trượt, van từ, ... (thay thế khi hỏng). Tra mỡ vào các khớp trượt.	8	4
26	Hiệu chỉnh hệ thống cảm biến đỗ xe chính xác. Kiểm tra nguồn điện, vệ sinh các cảm biến định vị.	1,0	5
27	Hiệu chỉnh góc quay camera. Kiểm tra sự hoạt động bình thường của nguồn điện, màn hình camera, ổ ghi. Vệ sinh camera, đầu nối truyền tín hiệu.	1,0	5
28	Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đèn led (màn hình, bảng điều khiển đèn led). Kiểm tra sự hoạt động bình thường của hệ thống định vị GPS, loa đọc điểm dừng.	1,0	5
29	Kiểm tra hiệu quả lực phanh, độ trượt ngang, góc đặt bánh xe bằng thiết bị chuyên dùng.	1,5	4

TT	Nội dung công việc	Định mức lao động thực hiện (giờ)	Cấp bậc công việc
30	Đi thử nghiệm chất lượng bảo dưỡng và các yêu cầu khác sau khi bảo dưỡng.	2,0	5
31	Vệ sinh và nghiệm thu xe sau bảo dưỡng.	1,0	4
	Tổng	75,6	

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ CHO BẢO DƯỠNG CẤP II

TT	Định mức vật tư bảo dưỡng cấp II			
	Tên vật tư phụ tùng	Đơn vị	Số lượng	Định ngạch (1000km)
	I. Phần vật tư phụ			
1	Dầu rửa	Lít	4	-
2	Xăng rửa	Lít	1	-
3	Dầu chạy thử	Lít	3	-
4	Mỡ bơm	Kg	1	-
5	Mỡ bi	Kg	4	-
6	Băng dính cách điện	Cuộn	1	-
7	Giẻ lau	Kg	2,5	-
8	Giấy ráp	m	0,4	-
	II. Phần vật tư chính			
9	Lọc gió	Bộ	1	24
10	Lọc dầu	Cái	1	12
11	Lọc nhiên liệu tinh	Cái	1	12
12	Lọc nhiên liệu thô	Cái	1	12
13	Lọc tách ẩm khí nén	Cái	1	48
14	Lọc dầu trợ lực lái	Cái	1	48
15	Lọc dầu hộp số	Cái	1	60
16	Dây đai	Bộ	1	48
17	Má phanh	Cái	8	36
18	Bi trượt cửa tiếp cận nhà chờ	Bộ	8	48
	III. Phần vật tư bôi trơn			
19	Dầu máy	Lít	20	12
20	Dầu cầu	Lít	18,5	36
21	Dầu hộp số (TE-ML20.110-20F)	Lít	42	60
22	Dầu trợ lực lái	Lít	7	48
23	Nước làm mát	Lít	63	48

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ CHO BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG ĐIỀU HÒA

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Định ngạch (Km)
1	Vòng bi quạt giàn nóng + giàn lạnh	Vòng	32	36.000
2	Chổi than quạt giàn lạnh	Bộ	16	36.000
3	Chổi than quạt giàn nóng	Bộ	16	36.000
4	Mút lọc ngoài điều hòa	Cái	2	24.000
5	Mút lọc trong điều hòa	Cái	2	24.000
6	Lưới lọc điều hòa	Bộ	1	96.000
7	Ga bổ sung	Kg	1	12.000
8	Dầu lạnh bổ sung	Lít	1,5	12.000

ĐỊNH NGẠCH SỬA CHỮA LỚN XE VÀ TỔNG THÀNH

Loại xe	ĐỊNH MỨC SỬA CHỮA LỚN LẦN ĐẦU (1000 KM)				
	Máy	Gầm + T/lực	Điện	Điều hòa	Vỏ
Xe BRT	300	300	300	300	360

Ghi chú:

1. Định ngạch sửa chữa các lần tiếp theo bằng 90% định ngạch lần trước liền kề.
2. Định ngạch sửa chữa lớn điều hòa áp dụng cho chủng loại điều hòa chính hãng, có xuất xứ từ Hàn Quốc, Nhật Bản.

ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG PHỤ TÙNG SỬA CHỮA LỚN

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định mức sử dụng
I	Phần máy		
1	Pistong, xi lanh, séc măng	bộ	264.000
2	Mặt quy lát	cái	264.000
3	Bơm cao áp hoàn chỉnh	cái	264.000
4	Bánh răng bơm cao áp	bộ	264.000
5	Trục bơm cao áp	cái	264.000
6	Vỏ ruột lọc dầu nhiên liệu	cái	264.000
7	Bi bơm cao áp	bộ	60.000
8	Kim phun (pép phun)	cái	180.000
9	Bơm tay nhiên liệu	cái	180.000
10	Bơm hơi	cái	300.000
11	Bơm nước	cái	300.000
12	Các loại vòng bi ổ máy	bộ	60.000
13	Động cơ tổng thành	cái	-
14	Supáp hút, xả	cái	264.000
15	Bạc biên, bạc trục cơ	bộ	84.000
16	Phốt trục cơ	cái	60.000
17	Két nước	cái	264.000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định mức sử dụng
18	Bộ điều chỉnh tốc độ cánh quạt kết nước tự động	bộ	120.000
19	Cánh quạt kết nước	cái	120.000
20	Trục cơ cốt 0	cái	300.000
21	Trục cơ hạ cốt	cái	120.000
22	Trục cam	cái	300.000
23	Vành răng bánh đà	cái	300.000
24	Kết làm mát dầu	cái	270.000
25	Tay biên	cái	120.000
26	Giàn supáp	bộ	270.000
27	Cụm tắt máy	cái	120.000
28	Nắp đáy giàn supáp	cái	270.000
29	Bơm dầu máy	cái	270.000
30	Gioăng máy	bộ	264.000
31	Bộ bánh răng dẫn động	bộ	300.000
32	Dẫn động supáp (đũa đẩy, con đội)	cái	300.000
33	Các loại vòng bi ngoài đ/cơ (bi bơm nước, cánh quạt, pully...)	vòng	300.000
34	Các loại pully	cái	300.000
35	Turbo tăng áp	bộ	100.000
36	Cao su chân máy	bộ	84.000
37	Ống xả mềm	cái	150.000
38	Bầu giảm thanh	cái	300.000
39	Bánh đà	cái	270.000
II	Phần gầm và truyền lực		
1	Cầu trước, sau	bộ	500.000
2	Moay ơ trước, sau	cái	300.000
3	Nhíp hơi	cái	120.000
4	Đế nhíp hơi + giảm va đập	bộ	300.000
5	Tổng phanh	cái	120.000
6	Cảm biến báo mòn má phanh	bộ	120.000
7	Cảm biến phanh ABS	cái	120.000
8	Hộp tay lái	cái	300.000
9	Vành tay lái + phím còi	bộ	300.000
10	Bi moay ơ	vòng	84.000
11	Chữ thập, gối đỡ, bi trung gian các đăng	bộ	84.000
12	Trục các đăng	cái	300.000
13	Bơm trợ lực tay lái	cái	120.000
14	Bánh răng các loại	bộ	300.000
15	Biến mô men thủy lực	cái	300.000
16	Xi lanh phanh bánh xe	bộ	180.000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định mức sử dụng
17	Giảm xóc	cái	84.000
18	Ngõng trục trước	cái	500.000
19	Bạc càng chữ A	cái	84.000
20	Các loại van hơi	bộ	120.000
21	Xi lanh đóng mở cửa hơi	cái	120.000
22	Bầu phanh trước, sau	cái	300.000
23	Cao su bầu phanh	cái	60.000
24	Hộp số hoàn chỉnh	Bộ	500.000
25	Bạc lót dẫn hướng giá phanh	cái	120.000
26	Gioăng phốt tay lái	bộ	120.000
27	Gioăng phốt cầu sau	bộ	60.000
28	Phốt moay ơ	bộ	24.000
29	Bulông tắc kê	cái	120.000
30	Ắc bạc phi dê	bộ	120.000
31	Bánh răng vành chậu quả dứa	cái	300.000
32	Bô vi sai	bộ	300.000
33	Trục láp	cái	300.000
34	Trục ba ngang, ba dọc	bộ	300.000
35	Rô tuyn lái	cái	120.000
36	Bộ công tắc điều khiển hộp số	bộ	120.000
37	Đĩa phanh	cái	150.000
38	La Jăng	cái	500.000
39	Séc măng bơm hơi	bộ	60.000
40	Xi lanh, pistong bơm hơi	cái	120.000
41	Cụm van đóng mở phanh tay	Bộ	300.000
42	Các loại bình hơi	cái	300.000
43	Các loại tuy ô cao su	cái	60.000
44	Các loại vòng bi cầu	vòng	180.000
45	Các loại cao su giảm chấn	cái	48.000
46	Bạc, ắc giăng cầu	cái	84.000
III	Phần điện		
1	Máy phát điện	cái	240.000
2	Máy đề	cái	240.000
3	Còi điện	cái	50.000
4	Tiết chế	cái	72.000
5	Mô tơ gạt mưa	cái	100.000
6	Thanh giăng gạt mưa	bộ	240.000
7	Rơ le cắt mát	cái	120.000
8	Đèn pha, cos, xi nhan trước	cái	120.000
9	Các đèn sau (phanh, lùi, xi nhan)	Cái	120.000

A

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định mức sử dụng
10	Bóng đèn các loại	cái	24.000
11	Rơ le các loại	cái	80.000
12	Chổi than máy phát, máy đề	cái	60.000
13	Vòng bi máy phát điện	cái	60.000
14	Công tắc các loại	cái	60.000
15	Cáp ắc quy	cái	180.000
16	Đồng hồ các loại	cái	180.000
17	Bộ đóng mở cửa điện	cái	120.000
18	Các loại cảm biến	cái	60.000
19	Bugì sấy	cái	180.000
20	Hộp điều khiển gạt mưa, sấy động cơ	cái	120.000
21	Bi + rãnh trượt cơ cấu tiếp cận nhà chờ	bộ	40.000
22	Xi lanh đẩy cơ cấu tiếp cận nhà chờ	cái	40.000
23	Van điện từ điều khiển	cái	120.000
24	Đèn LED xung quanh xe	bộ	240.000
25	Bảng điều khiển đèn led	bộ	40.000
26	Thẻ nhớ của bảng điều khiển	bộ	40.000
27	Camera	bộ	240.000
28	Màn hình camera	cái	40.000
29	Nguồn màn hình camera	cái	40.000
30	Ổ ghi camera	cái	240.000
31	Bộ nguồn OBU	cái	240.000
32	Cảm biến đóng mở cửa nhà chờ (mắt thần)	cái	120.000
33	Bộ cảm biến đóng mở cửa tự động	bộ	240.000
34	ECU điều khiển điện thân xe	bộ	300.000
35	ECU điều khiển động cơ	bộ	300.000
36	ECU điều khiển hộp số	bộ	300.000
37	ECU điều khiển ABS	bộ	300.000
38	Đèn trần	bộ	120.000
39	Cần, chổi gạt mưa	bộ	60.000
40	Hệ thống loa thông báo điểm dừng	bộ	240.000
IV	Phần Điều hòa		
1	Bộ dây đai máy kéo nén	bộ	48.000
2	Máy nén pistong điều hòa	cái	240.000
3	Vòng bi ly hợp từ	vòng	60.000
4	Bình lọc, làm khô	cái	72.000
5	Chổi than quạt dàn nóng, dàn lạnh	bộ	132.000
6	Mô tơ quạt dàn lạnh	cái	132.000
7	Mô tơ quạt dàn nóng	cái	132.000
8	Lưới lọc	bộ	48.000

TT	Tên phụ tùng	Đơn vị	Định mức sử dụng
9	Cụm van máy nén	bộ	96.000
10	Lá thép chữ thập truyền lực	cái	96.000
11	Lá van máy nén	bộ	96.000
12	Mặt đế dàn van máy nén	bộ	96.000
13	Xéc măng máy nén	bộ	96.000
14	Bạc vòng bi cổ trục, cổ biên hoặc cơ cấu dẫn động với bơm quay	bộ	84.000
15	Cụm pistong, tay biên	bộ	132.000
16	Van tiết lưu	cái	144.000
17	Tuy ô cao su	bộ	144.000
18	Cánh quạt dàn nóng, lạnh	cái	144.000
19	Cụm cảm biến điều khiển nhiệt độ	cái	96.000
20	Bộ rơ le, công tắc điều khiển	bộ	132.000
21	Máy nén điều hòa	bộ	400.000
22	Dàn lạnh	cái	400.000
23	Dàn nóng	cái	400.000
24	Bảng điều khiển	bộ	240.000
25	Công tắc áp suất	cái	240.000
26	Cụm ly hợp từ	bộ	240.000
27	Cụm đường ống cao áp	bộ	400.000
28	Cụm đường ống thấp áp	bộ	400.000
29	Bình chứa	cái	400.000
30	Thay ga	kg	84.000
31	Thay dầu máy nén	ml	84.000

Ghi chú:

1. Các vật tư, phụ tùng trên là những vật tư phụ tùng chính hãng, ngoại nhập.
2. Các vật tư, phụ tùng nội địa Trung Quốc, hoặc không chính hãng có định ngạch thấp hơn định ngạch sử dụng ở trên, tùy theo thực tế sử dụng và hư hỏng để giải quyết và cấp phát.

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG SỬA CHỮA LỚN PHẦN MÁY

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức lao động (giờ)	Cấp bậc công việc
1	Làm các thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe đưa vào sửa chữa lớn.	3	4
2	Chuẩn bị sản xuất: chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ: Tờ trình SCL, phiếu yêu cầu sửa chữa, lệnh SC kiểm biên bản nghiệm thu, dự trù VTPT,... và các giấy tờ, tài liệu, thông số kỹ thuật khác liên quan.	34	4
	Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa trang, đồ nghề cầm tay.		
	Rửa toàn bộ phần máy, gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô phần máy.		

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức lao động (giờ)	Cấp bậc công việc
	Chẩn đoán, kiểm tu tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.		
3	Chẩn đoán tình trạng máy bằng thiết bị	1	5
4	Tháo toàn bộ phần máy ra khỏi xe	16,1	4
5	Cầu, rút máy đưa về nơi sửa chữa	1,7	4
6	Tháo thông rửa kết nước và kết làm mát khí nạp	13,6	4
7	Tháo rời các chi tiết phần Máy bao gồm:	34	
-	Tháo bu lông côn bánh đà		4
-	Tháo bộ đầu ra khỏi Block máy		4
-	Tháo nắp dàn, cần đẩy supáp		3
-	Tháo bơm cao áp, kim phun		3
-	Tháo ống hút, ống xả		3
-	Tháo bơm nước, đường nước mặt máy, sườn máy		3
-	Tháo bơm hơi, hoặc bơm chân không		3
-	Tháo mặt qui lát		5
-	Tháo chân máy		3
-	Tháo cate, tay biên, pistong		5
-	Tháo bàn ép, lá côn		Không có
-	Tháo biên momen thủy lực		6
-	Tháo thớt giữa (áp dụng xe có thớt giữa)		5
-	Tháo ống xy lanh		5
-	Tháo trục cam, con đội		5
-	Tháo bơm dầu, gối đỡ trục cơ		4
-	Tháo supáp		4
-	Tháo bơm thủy lực		4
-	Tháo lọc dầu, lọc khí, kết làm mát dầu		4
-	Tháo thông rửa kết nước và kết làm mát khí nạp		4
8	Cạo rửa các chi tiết máy	34	3
9	Kiểm tu các chi tiết khi tháo, đo đặc các thông số kỹ thuật và lập phương án sửa chữa chi tiết	20,4	6
10	Sửa chữa các chi tiết và lắp tổng thành	166,1	
-	Kiểm tra cạo rà bạc biên, bạc Palie	20,4	5
-	Kiểm tra thông rửa đường dầu	8	4
-	Kiểm tra đo đặc các thông số kỹ thuật cụm Pistong, tay biên, xéc măng	6,8	5
-	Rà supáp	20,4	3
-	Lắp supáp vào mặt qui lát	6,8	4
-	Lắp sơ mi vào thân máy		
+	Xi lanh ướt hoặc xi lanh khô thả lỏng	6,8	5
+	Xi lanh khô ép chặt & doa	20,4	5

4

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức lao động (giờ)	Cấp bậc công việc
-	Lắp xéc măng vào pistong	3,4	5
-	Lắp pistong vào tay biên	3,4	5
-	Kiểm tra, lắp trục cơ, lắp pistong, tay biên vào máy	13,6	6
-	Lắp bơm dầu	0,85	5
-	Lắp trục cam, con đội, bánh răng, đầu máy, đuôi máy	13,6	5
-	Lắp vành răng bánh đà	1,7	4
-	Lắp mặt quy lát, giàn cò, thớt giữa	11,9	4
-	Lắp các te, van áp lực dầu	3,4	4
-	Lắp kết làm mát dầu	1,7	4
-	Lắp cụm bầu lọc dầu	1,7	4
-	Lắp các loại cảm biến vào thân máy	0,85	4
-	Lắp bơm nước	0,85	4
-	Lắp bơm trợ lực lái	0,85	4
-	Lắp bơm hơi hoặc bơm chân không	1,7	5
-	Lắp bánh đà, puly đầu trục	3,4	4
-	Lắp hoàn chỉnh bộ ly hợp, giảm chấn	1,7	4
-	Lắp, chỉnh supáp	3,4	4
-	Lắp ống hút, ống xả	1,7	4
-	Lắp bơm cao áp, kim phun	6,8	4
11	Lắp máy lên xe hoàn chỉnh	32,2	5
12	Đổ các loại dầu, nước làm mát	1,4	3
13	Rà máy, điều chỉnh, vệ sinh xe	11,6	4
	Kiểm tra tình trạng kỹ thuật động cơ bằng máy chẩn đoán		5
14	Hoàn chỉnh, đi thử, bàn giao	6,8	5
	Tổng cộng	375,9	
	Cộng (làm tròn)	376	

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ CHO SỬA CHỮA LỚN PHẦN MÁY

TT	Tên vật tư	ĐVT	BRT
1	Dầu rửa chi tiết	Lít	8
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	2
3	Dầu (xăng) nổ rà, chạy thử, nghiệm thu	Lít	40
4	Keo làm kín (keo dán sắt)	Hộp	2
5	Bột rà supáp	kg	0,3
6	Giẻ lau	kg	5
7	Giấy ráp	Tờ	5
8	Bìa amiang làm kín (loại to)	m2	1
9	Đá cắt (phục vụ xúc rửa thùng dầu)	Viên	3
10	Dung dịch làm mát	Lít	63

A

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG SỬA CHỮA LỚN PHẦN GÀM + TRUYỀN LỰC

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức giờ công (giờ)	Cấp bậc công việc
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn.	3	4
2	Chuẩn bị sản xuất: chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ: Tờ trình SCL, phiếu yêu cầu sửa chữa, lệnh SC kèm biên bản nghiệm thu, dự trù VTPT,... và các giấy tờ, tài liệu, thông số kỹ thuật khác liên quan.	51	4
	Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa trang, đồ nghề cầm tay.		
	Rửa toàn bộ phần gầm, vỏ, xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô.		
	Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.		
	Chẩn đoán bằng thiết bị	1	5
3	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, kê kích toàn bộ xe, tháo toàn bộ hệ thống lớp và các cụm tổng thành chi tiết liên quan.	8,45	4
4	Tháo hạ các cụm tổng thành khỏi xe	97,4	
	Tháo, lắp trực các đăng	1	4
	Tháo, lắp toàn bộ hệ thống hộp số	30	5
	Tháo, lắp các bánh xe	3,4	3
	Tháo, lắp moay-ơ	13,6	3
	Tháo, lắp dầm cầu sau	18,4	4
	Tháo, lắp dầm cầu trước	17	4
	Tháo, lắp hệ thống phanh, tổng phanh, cụm phanh tay, trợ lực phanh, bầu phanh trước, sau	6	4
	Tháo hạ hệ thống lái, trợ lực lái	8	4
5	Kiểm tra các chi tiết khi tháo, đo đạc các thông số kỹ thuật và lập phương án sửa chữa chi tiết	40,8	
6	Sửa chữa, thay thế các chi tiết trực các đăng	3	4
	Thay bi chữ thập các đăng	3	4
7	Thay mới hộp số	15	4
8	Sửa chữa cụm ly hợp, dẫn động và trợ lực	9,8	4
	Tháo bi bánh đà	1,7	4
	Thay thế, lắp lại hoàn chỉnh	5,1	4
	Sửa chữa hệ thống dẫn động và trợ lực	3	4
9	Sửa chữa cụm truyền lực chính	40,8	4
10	Sửa chữa các cụm moay-ơ và liên quan	34,4	4
	Thay vòng bi moay-ơ	4	4
	Sửa chữa ổ ren, thay bu lông tắc kê	13,6	4
	Thay cao su cupben phanh		4
	Thay xy lanh phanh bánh xe, bầu phanh	10	4
	Sửa chữa, thay mâm phanh	3,4	4

A

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức giờ công (giờ)	Cấp bậc công việc
	Thay má phanh	3,4	4
11	Sửa chữa, thay thế hệ thống lái và trợ lực lái:	57	
	- Thay bộ bạc + ốc trụ tay lái (ắc phi nhê)	13,6	4
	- Thay rô tuyền ba ngang	2,55	4
	- Thay ba dọc	6,8	4
	- Thay đòn quay trung gian	3,4	4
	- Thay bơm trợ lực lái	3,4	5
	- Thay tủy ô trợ lực lái	10,2	4
	- Thay ổ bi chữ thập trục tay lái	3,4	5
	- Thay ổ bi và sửa chữa giá đỡ trục tay lái	13,6	5
	- Thay bộ điều khiển đi số		
12	Sửa chữa hệ thống nhíp, giảm sóc, giảm chấn trước	8	4
	Thay nhíp hơi và đế nhíp hơi	8	4
13	Sửa chữa, thay thế hệ thống dẫn động phanh	27,8	
	- Thay tủy ô phanh	6,8	4
	- Thay tổng phanh hoặc cupben tổng phanh	5,1	5
	- Thay bầu trợ lực phanh	3,4	4
	- Thay bộ chia dòng phanh	3,4	5
	- Thay rơ le hoặc van hơi các loại	5,1	5
	- Sửa chữa thay thế cụm phanh tay	4	4
14	Đổ dầu	1,4	
15	Kiểm tra toàn bộ độ đảo, độ méo, độ mòn không đồng đều của hệ thống lốp, cân bằng động hệ thống lazang bánh xe, lắp toàn bộ hệ thống lốp, (thay lốp nếu đến định ngạch), hạ kích	23,2	4
	Hoàn chỉnh toàn bộ, đi thử, bàn giao		
	Tổng cộng	422,05	
	Cộng (làm tròn)	422	

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ CHO SỬA CHỮA LỚN PHẦN GÀM + TRUYỀN LỰC

TT	Tên vật tư	ĐVT	Xe BRT
1	Dầu rửa chi tiết	Lít	30
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	10
3	Dầu (xăng) nổ rà, chạy thử, nghiệm thu	Lít	10
4	Keo làm kín (keo dán sắt)	Hộp	2
5	Giẻ lau	Kg	5
6	Giấy ráp	Tờ	5
7	Mỡ moay ơ	Kg	7
8	Mỡ bơm	Kg	1

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG SỬA CHỮA LỚN PHẦN ĐIỆN

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức giờ công (giờ)	Cấp bậc công việc
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô	4	3
3	Chuẩn bị sản xuất: chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ: Tờ trình sửa chữa lớn, phiếu yêu cầu sửa chữa, lệnh sửa chữa kèm biên bản nghiệm thu, dự trù vật tư phụ tùng,... và các giấy tờ, tài liệu, thông số kỹ thuật khác liên quan. Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa trang, đồ nghề cầm tay. Chẩn đoán, kiểm tra tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn. Kiểm tra và lập phương án sửa chữa.	24	4
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe.	131	
	- Tháo, lắp máy phát	1,5	4
	- Tháo, lắp máy đề	1,5	4
	- Tháo, lắp các cụm đèn trước	2	4
	- Tháo, lắp các cụm đèn sau	2	4
	- Tháo, lắp đèn nóc	2	4
	- Tháo, lắp các đèn trong xe	24	4
	- Tháo, lắp loa, radio, micro	3	4
	- Tháo, lắp khoang táp lô	3	4
	- Tháo, lắp bộ sấy kính, sưởi	2	4
	- Tháo, lắp bộ gạt mưa	2	4
	- Tháo, lắp hệ thống quạt thông gió	2	4
	- Tháo, lắp hệ thống đóng mở cửa	2	4
	- Tháo, lắp bó dây đầu xe, bảng cầu chì	4	5
	- Tháo, lắp bó dây trần xe (kể tháo ốp trần, ốp sườn)	20	5
	- Tháo, lắp bó dây satxi	24	5
	- Tháo, lắp bó dây đuôi xe	12	5
	- Tháo, lắp bó dây khoang động cơ	16	5
	- Tháo, lắp hệ thống điều khiển role, cầu chì, ắc quy	8	4
5	Sửa chữa máy phát điện	6	4
	+ Thay bộ chổi than	1	4
	+ Thay vòng bi	1	4
	+ Thay điốt	2	4
	+ Sửa chữa cổ góp	1	4
	+ Đo kiểm roto, stato, các điốt, tiết chế	1,0	4

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức giờ công (giờ)	Cấp bậc công việc
6	Sửa chữa máy đề	6	4
	+ Thay bộ chổi than	1,5	4
	+ Thay vòng bi hoặc bạc	2	4
	+ Thay bộ côn, giảm tốc	1,5	4
	+ Đo kiểm roto, stato, rơ le đề	1,0	4
7	Sửa chữa bó dây đầu xe, thay dây mới	18	5
8	Sửa chữa bó dây trần xe, thay dây mới	18	5
9	Sửa chữa bó dây sát xi, thay dây mới	18	5
10	Sửa chữa bó dây đuôi xe, thay dây mới	18	5
11	Sửa chữa bó dây khoang động cơ, thay dây mới	18	5
12	Kiểm tra hoàn thiện, bàn giao	6	5
	Tổng cộng	270	
	Cộng (làm tròn)	270	

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ CHO SỬA CHỮA LỚN PHẦN ĐIỆN

TT	Tên vật tư	ĐVT	Xe BRT
1	Băng dính điện	Cuộn	4
2	Xăng rửa chi tiết	Lít	2
3	Dầu (xăng) kiểm tu, chạy thử, nghiệm thu	Lít	15
4	Dây điện	m	10
5	Dây thít to, nhỏ	Cái	50
6	Giấy ráp	Tờ	5
7	Chất tẩy rửa (RP7)	Hộp	2
8	Giẻ lau	Kg	2

ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG SỬA CHỮA LỚN PHẦN ĐIỀU HÒA

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức giờ công (giờ)	Cấp bậc công việc
1	Làm thủ tục biên bản giao nhận phương tiện trước khi xe vào sửa chữa lớn	3	4
2	Rửa toàn bộ phần xe, lau chùi, vệ sinh, làm khô	4	3
3	Chuẩn bị sản xuất: chuẩn bị các hồ sơ giấy tờ: Tờ trình sửa chữa lớn, phiếu yêu cầu sửa chữa, lệnh sửa chữa kèm biên bản nghiệm thu, dự trù vật tư phụ tùng,... và các giấy tờ, tài liệu, thông số kỹ thuật khác liên quan.	18	4
	Chuẩn bị trang thiết bị, đồ nghề, các thiết bị đo kiểm, các thiết bị sửa chữa trang, đồ nghề cầm tay.		
	Chẩn đoán, kiểm tu tình trạng kỹ thuật ban đầu, đánh giá sơ bộ chất lượng, tình trạng kỹ thuật tổng thành sửa chữa lớn.		
	Kiểm tu và lập phương án sửa chữa.		

TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Định mức giờ công (giờ)	Cấp bậc công việc
4	Đưa xe vào vị trí sửa chữa, tháo toàn bộ hệ thống chi tiết, cụm chi tiết ra khỏi xe.	89,7	
	- Thu hồi ga	1,2	4
	- Tháo, lắp quạt giàn nóng, giàn lạnh	2,4	4
	- Tháo, lắp dàn nóng	3,6	5
	- Tháo, lắp dàn lạnh	4,8	5
	- Tháo, lắp hệ thống đường ống, bình chứa, lọc	19,2	5
	- Tháo, lắp vệ sinh cửa chia gió	12	4
	- Tháo, lắp máy nén	2,4	5
	- Tháo, lắp bảng điện điều khiển	3,5	5
	- Tháo, lắp công tắc điều khiển	1,2	5
	- Tháo, lắp hệ thống dây điện	14,4	5
	- Tháo, lắp toàn bộ hệ thống trần xe	25	4
5	Sửa chữa, thay thế quạt dàn nóng, dàn lạnh	7,2	5
6	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt giàn nóng, thay thế	19,2	5
7	Kiểm tra, xúc rửa, sửa chữa cánh tản nhiệt giàn lạnh, thay thế	19,2	5
8	Kiểm tra, sửa chữa, thay thế máy nén	21,6	5
	- Sửa chữa, thay thế cụm ly hợp từ	2,4	5
	+ Tháo, lắp cụm ly hợp từ	1,2	5
	+ Thay vòng bi ly hợp từ, lá thép	0,6	5
	+ Thay cuộn dây ly hợp	0,6	5
	- Thay pistong, xy lanh, trục cơ, vòng bi, phốt...	19,2	5
9	Sửa chữa, thay thế cụm puly trung gian	2,4	4
10	Sửa chữa giá đỡ máy nén	2,4	4
11	Kiểm tra sửa chữa, thay thế hệ thống điều khiển	9,6	5
12	Kiểm tra, xử lý độ kín hệ thống	9,6	5
13	Đổ dầu máy nén, hút chân không, nạp ga	9,6	5
14	Hoàn thiện, đo kiểm, chạy thử, bàn giao	4	5
	Tổng cộng	219,5	
	Cộng (làm tròn)	220	

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ PHỤ CHO SỬA CHỮA LỚN PHẦN ĐIỀU HÒA

TT	Tên vật tư	ĐVT	Xe BRT
1	Bảng dính điện	Cuộn	3
2	Dây thít to, nhỏ	Cái	30
3	Chất tẩy rửa (RP7)	Hộp	1
4	Dây điện	m	5
5	Giẻ lau	kg	2
6	Dầu (xăng) kiểm tu, chạy thử, nghiệm thu	Lít	15

A

ĐỊNH MỨC GIỜ CÔNG SỬA CHỮA LỚN KHUNG XƯƠNG, VỎ VÀ NỘI THẤT

TT	Nội dung công việc	Định mức giờ công (giờ công)	Cấp bậc công việc
1	Tháo dỡ toàn bộ kính, tôn vỏ, ghế đệm, cửa xe, bậc lên xuống, chắn bùn xe	80	4
2	Sửa chữa phục hồi các khung cửa vỏ xe	540	5
3	Sửa chữa phục hồi phần tôn vỏ, bậc lên xuống, chắn bùn xe	568	5
4	Sửa chữa phục hồi các ghế, đệm, tựa, lắp ráp hoàn chỉnh lên xe	400	5
5	Sửa chữa phục hồi các dầm, xà, sàn xe, lớp bọc lót thành trong xe	480	5
6	Sửa chữa phục hồi, cửa lên xuống, các khung cửa kính, cửa thông gió	140	5
7	Lắp ráp hoàn chỉnh	110	5
8	Làm sạch bề mặt tôn vỏ xe, ma tít, sơn lót toàn phần trong và ngoài vỏ xe, sơn bóng toàn bộ xe, kẻ các chữ trong và ngoài xe	390	5
	Cộng	2.708	

ĐỊNH MỨC SƠN TOÀN BỘ CÁC LOẠI XE

TT	Tên vật liệu	Đơn vị	Xe BRT
1	Sơn chống gỉ	lít	18
2	Sơn ghi lót	lít	3
3	Sơn màu	lít	14
4	Sơn gầm xe ô tô	lít	8
5	Đồng cứng lót	lít	6,5
6	Dung môi pha sơn	lít	4
7	Mỡ bơm	lít	1
8	Giấy ráp các loại	tờ	10
9	Đồng cứng màu	lít	1
10	Bả keo hai thành phần	kg	42
11	Vải giáp nga để mài	mét	5
12	Băng dính	cuộn	8
13	Giấy báo	kg	1
14	Giẻ lau	kg	5

ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG VẬT LIỆU BÔI TRƠN

STT	Tên vật tư chính	Độ nhớt/Phẩm cấp	Đơn vị (Km)	Xe BRT
1	Dầu máy	15W40/CI4, CH4	1000	12
2	Dầu cầu	80W90/GL5	1000	48
3	Dầu hộp số	80W90/GL5	1000	60
4	Dầu trợ lực	DEXTRON II/PSF3	1000	72
5	Nước làm mát	J7184B	1000	96

ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG SẼM LỚP

Loại xe	Cỡ lốp	Xe BRT	
		Lốp ngoại (km)	Lốp nội (km)
Xe buýt BRT	10,00 – R20	85.000	70.000

ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG ẮC QUY

Loại xe	Xe BRT	
	Tháng	1.000 Km
Xe buýt BRT	18	135

ĐỊNH MỨC THỜI GIAN BẢO DƯỠNG NGÀY

TT	Nội dung	Tổng giờ công thực hiện	Cấp bậc công việc
1	Rửa xe: Vỏ xe	0,25	3
2	Kiểm tra, điều chỉnh tình trạng đảm bảo kỹ thuật phương tiện	0,25	4
	Tổng	0,5	

ĐỊNH NGẠCH KHAI THÁC NHÀ CHỜ

TT	Hạng mục	Định ngạch thực hiện	Chỉ số cho 23 nhà chờ
I	Vệ sinh, bảo vệ nhà chờ BRT		
1	Vệ sinh	Hàng ngày	23
2	Bảo vệ	Hàng ngày	23
II	Năng lượng tiêu thụ (Điện, nước)		
1	Tiêu thụ Điện năng	KW/ngày	1.393
2	Tiêu thụ Nước phục vụ nhà vệ sinh	m ³ /ngày	12
III	BDSC trang thiết bị công nghệ		
1	Thiết bị cửa kính tự động	1 Tháng/ lần/ cửa	92
2	Cửa cuốn	1 Tháng/ lần/ cửa	21

TT	Hạng mục	Định ngạch thực hiện	Chỉ số cho 23 nhà chờ
3	Thiết bị điện:		
	- Điều hòa	1 Quý/ lần/ 1 thiết bị	31
	- Quạt trần	1 Quý/ lần/ quạt	163 quạt của 23 nhà chờ
	- Quạt treo tường	1 Quý/ lần/ quạt	47
4	Thiết bị PCCC	6 tháng/ lần / 1 thiết bị	207
IV	BD duy trì nhà chờ		
1	Mái nhà chờ	1 Quý/ lần/ nhà chờ	23
2	Lan can đường dẫn vào nhà chờ	1 năm/ lần/ nhà chờ	23
3	Sơn cột; đường dốc, sơn tường, platform bậc cửa hành khách...)	2 năm/ lần/ loại	23
4	Bảo dưỡng Khung thép, tấm lang chắn	2 năm/ lần/ loại	23

ĐỊNH NGẠCH SỬ DỤNG ĐIỆN NƯỚC KHAI THÁC NHÀ CHỜ

TT	Nhà chờ	Định mức		
		Điện năng tiêu thụ KW bq/ ngày	Điện năng tiêu thụ KW bq/ tháng	Điện năng tiêu thụ KW bq/ năm
1	Nhà chờ Kim Mã	83,2	2.132,5	25.590,2
2	Nhà chờ Yên Nghĩa	247,6	4.849,3	58.191,6
3	21 nhà chờ trên tuyến	1.062,6	25.865,4	310.384,3
4	Cộng 23 nhà chờ	1.393,4	32.847,2	394.166,1
5	Bình quân/ 1 nhà chờ	60,6	1.428,1	17.137,7

NỘI DUNG CÔNG VIỆC VỆ SINH NHÀ CHỜ BRT01 HÀNG NGÀY

TT	Nội dung công việc vệ sinh nhà chờ	Giờ công vệ sinh (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 1 ngày	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
1	Vệ sinh hệ thống cửa	90	180	180	
1,1	Cửa kính tự động	30	60	60	2
1,2	Cửa cuốn	30	60	60	2
1,3	Cửa các khu chức năng	30	60	60	2
2	Vệ sinh các tấm lang nhà chờ	30	60	60	2

TT	Nội dung công việc vệ sinh nhà chờ	Giờ công vệ sinh (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 1 ngày	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
3	Vệ sinh sàn nhà chờ	30	60	60	2
Tổng số phút thực hiện vệ sinh		150	300	300	
Tổng số giờ thực hiện vệ sinh		2,5	5	5	

NỘI DUNG CÔNG VIỆC BẢO VỆ NHÀ CHỜ BRT01 HÀNG NGÀY

TT	Nội dung công việc bảo vệ nhà chờ	Khoảng thời gian thực hiện bảo vệ	Giờ công bảo vệ (giờ/nhà chờ)			Bậc công việc
			Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 1 ngày	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
1	Tuần tra nhà chờ	23h - 5h	6	6	6	2
2	Kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi phá hoại, xâm phạm bất hợp pháp tới nhà chờ					
Tổng số giờ thực hiện bảo vệ và bậc công việc			6	6	6	

NỘI DUNG CÔNG VIỆC VỆ SINH NHÀ CHỜ BRT01 HÀNG THÁNG

TT	Nội dung công việc	Giờ công vệ sinh (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 1 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
1	Vệ sinh hệ thống cửa	90	180	180	
1.1	Cửa kính tự động	30	60	60	3
1.2	Cửa cuốn	30	60	60	3
1.3	Cửa các khu chức năng	30	60	60	3
2	Vệ sinh các tấm lang nhà chờ	30	60	60	3
3	Vệ sinh sàn nhà chờ	30	60	60	3
4	Vệ sinh trần nhà chờ	45	90	90	
5	Vệ sinh rác, cây cỏ đường dẫn vào nhà chờ đảm bảo an toàn, mỹ quan HK đi xe	150	150	150	
5.1	Tiến hành vệ sinh, rác tại lối dẫn hành khách ra vào nhà chờ	30	30	30	2

TT	Nội dung công việc	Giờ công vệ sinh (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 1 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
5.2	Thu gom rác và các phế thải, di chuyển tới vị trí quy định	30	30	30	2
5.3	Đối với những nhà chờ có cây cỏ mọc tại khu vực lan can đường dẫn.	30	30	30	2
	- Tiến hành vệ sinh sạch cỏ, đảm bảo thông thoáng, sạch sẽ.	30	30	30	2
	- Thu gom cỏ, rác và các phế thải đến vị trí tập kết theo quy định.	30	30	30	2
6	Cắt tỉa cây cảnh, vệ sinh rác thải khu vực Nhà chờ Yên Nghĩa (M²)		150		
6.1	Dùng vật dụng chuyên dụng, tiến hành cắt tỉa bồn hoa. Đảm bảo mỹ quan.		60		4
6.2	Vệ sinh rác, cây cỏ giữa các lối đi của các bồn hoa		30		2
6.3	Vệ sinh thu gom rác rơi vào trong các bồn hoa		30		2
6.4	Thu gom rác và các phế thải, di chuyển tới vị trí quy định		30		2
Tổng số phút thực hiện BDSC		345	690	540	
Tổng giờ công thực hiện BDSC		5,75	11,50	9,00	

NỘI DUNG VÀ ĐỊNH NGẠCH DUY TU, DUY TRÌ BDSC ĐỊNH KỲ NHÀ CHỜ BRT THEO THÁNG

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ tháng	Trạm đầu cuối Yên Nghĩa	Trạm đầu cuối Kim Mã	
I. Phần thiết bị tự động điều khiển					
1	Hệ thống cửa kính tự động	240	240	240	6
1.1	Kiểm tra phần nắp bảo vệ hệ thống kín hay hở, có nứt vỡ hay bong tróc, kịp thời sửa chữa, thay mới nếu cần.	60	60	60	7
1.2	Kiểm tra độ căng, độ chùng của các dây curoa chuyển động, điều chỉnh đảm bảo hệ thống chuyển động được trơn tru, ổn định.	25	25	25	5
1.3	Tiến hành siết chặt vít định vị và vệ sinh ray dẫn hướng, đảm bảo không có vật cản bên trong ảnh hưởng đến sự chuyển động của hệ thống cửa.	15	15	15	5

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ tháng	Trạm đầu cuối Yên Nghĩa	Trạm đầu cuối Kim Mã	
1.4	Dùng chổi chuyên dụng, thực hiện vệ sinh làm sạch bụi bẩn của mô tơ, bảng mạch.	15	15	15	5
1.5	Tiến hành siết chặt ốc vít định vị đảm bảo chắc chắn không bị long, mất mát.	20	20	20	6
1.6	Tiến hành tháo nắp bảo vệ của bánh xe dẫn hướng, siết chặt vít định vị. Dùng chổi chuyên dụng, tiến hành vệ sinh bánh xe con lăn.	35	35	35	7
1.7	Lắp lại nắp bảo vệ.	50	50	50	5
1.8	Cho vận hành thử, đảm bảo hệ thống cửa vận hành êm ái, ổn định.	20	20	20	7
2	Hệ thống cửa cuốn xếp.	120	0	0	4
2.1	Dùng chổi chuyên dụng, tiến hành vệ sinh mô tơ, kiểm tra hoạt động motor, tiến hành tra dầu mỡ chuyên dụng nếu cần.	30	0	0	4
2.2	Dùng chổi thực hiện vệ sinh phanh hãm, kiểm tra chất lượng hãm và má hãm của phanh.	10	0	0	4
2.3	Dùng chổi thực hiện vệ sinh U dẫn hướng, kiểm tra U dẫn hướng định vị có bị xô lệch hay không. Thực hiện nắn chỉnh nếu bị xô lệch.	10	0	0	4
2.4	Tiến hành kiểm tra nan, độ xô dịch của nan.	4	0	0	4
2.5	Tiến hành siết chặt vít định vị của lô cuốn, đảm bảo độ an toàn, ổn định.	6	0	0	4
2.6	Thực hiện kiểm tra, điều chỉnh độ căng và dùng chổi chuyên dụng thực hiện vệ sinh xích chuyên tải.	30	0	0	4
2.7	Thực hiện tra dầu mỡ xích chuyên tải.	20	0	0	4
2.8	Tiến hành kiểm tra hoạt động của điều khiển từ xa. Tháo nắp bảo vệ pin điều khiển, kiểm tra chất lượng pin. Tiến hành thay pin mới nếu cần thiết.	4	0	0	4
2.9	Cho vận hành thử, đảm bảo hệ thống cửa vận hành êm ái, ổn định.	6	0	0	4
3	Hệ thống cửa, khóa phòng vé và các phòng chức năng	50	300	120	3
3.1	Quan sát trực quan trình trạng hoạt động của bản lề cửa.	5	30	12	3

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ tháng	Trạm đầu cuối Yên Nghĩa	Trạm đầu cuối Kim Mã	
3.2	Trong trường hợp cửa bị sệ cánh, chạm sàn. Thì tiến hành thực hiện tháo vít định vị, nâng hệ thống cánh lên đúng vừa tầm, đảm bảo cánh không bị cọ xuống sàn nhà	30	180	72	3
3.3	Tiến hành siết chặt vít định vị	10	60	24	3
3.4	Cắm chia khóa, thực hiện khóa mở, xác định khóa, chốt xoay có ổn định hay không	5	30	12	3
Tổng số phút thực hiện BDSC		330	460	280	

NỘI DUNG VÀ ĐỊNH NGẠCH DUY TU, DUY TRÌ BDSC ĐỊNH KỲ NHÀ CHỜ BRT THEO QUÝ

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ Quý	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
Chuẩn bị tác nghiệp (vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc và tổ sản xuất) đúng, đầy đủ.		60	60	90	5
1	Hệ thống cửa kính tự động	240	240	240	6
1.1	Kiểm tra phần nắp bảo vệ hệ thống kín hay hở, có nứt vỡ hay bong tróc, kịp thời sửa chữa, thay mới nếu cần.	60	60	60	7
1.2	Kiểm tra độ căng, độ chùng của các dây curoa chuyển động, điều chỉnh đảm bảo hệ thống chuyển động được trơn tru, ổn định.	25	25	25	5
1.3	Tiến hành siết chặt vít định vị và vệ sinh ray dẫn hướng, đảm bảo không có vật cản bên trong ảnh hưởng đến sự chuyển động của hệ thống cửa.	15	15	15	5
1.4	Dùng chổi chuyên dụng, thực hiện vệ sinh làm sạch bụi bẩn của mô tơ, bảng mạch.	15	15	15	5
1.5	Tiến hành siết chặt ốc vít định vị đảm bảo chắc chắn không bị long, mất mát.	20	20	20	6

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ Quý	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
1.6	Tiến hành tháo nắp bảo vệ của bánh xe dẫn hướng, siết chặt vít định vị. Dùng chổi chuyên dụng, tiến hành vệ sinh bánh xe con lăn.	35	35	35	7
1.7	Lắp lại nắp bảo vệ.	50	50	50	5
1.8	Cho vận hành thử, đảm bảo hệ thống cửa vận hành êm ái, ổn định.	20	20	20	7
2	Hệ thống cửa cuốn xếp.	120	0	0	4
2.1	Dùng chổi chuyên dụng, tiến hành vệ sinh mô tơ, kiểm tra hoạt động motor, tiến hành tra dầu mỡ chuyên dụng nếu cần.	30	0	0	4
2.2	Dùng chổi thực hiện vệ sinh phanh hãm, kiểm tra chất lượng hãm và má hãm của phanh.	10	0	0	4
2.3	Dùng chổi thực hiện vệ sinh U dẫn hướng, kiểm tra U dẫn hướng định vị có bị xô lệch hay không. Thực hiện nắn chỉnh nếu bị xô lệch.	10	0	0	4
2.4	Tiến hành kiểm tra nan, độ xô dịch của nan.	4	0	0	4
2.5	Tiến hành siết chặt vít định vị của lô cuốn, đảm bảo độ an toàn, ổn định.	6	0	0	4
2.6	Thực hiện kiểm tra, điều chỉnh độ căng và dùng chổi chuyên dụng thực hiện vệ sinh xích chuyển tải.	30	0	0	4
2.7	Thực hiện tra dầu mỡ xích chuyển tải.	20	0	0	4
2.8	Tiến hành kiểm tra hoạt động của điều khiển từ xa. Tháo nắp bảo vệ pin điều khiển, kiểm tra chất lượng pin. Tiến hành thay pin mới nếu cần thiết.	4	0	0	4
2.9	Cho vận hành thử, đảm bảo hệ thống cửa vận hành êm ái, ổn định.	6	0	0	4
3	Hệ thống cửa, khóa phòng vé và các phòng chức năng	50	300	120	3
3.1	Quan sát trực quan trình trạng hoạt động của bản lề cửa.	5	30	12	3
3.2	Trong trường hợp cửa bị sệ cánh, chạm sàn. Thì tiến hành thực hiện tháo vít định vị, nâng hệ thống cánh lên đúng vừa tầm, đảm bảo cánh không bị cọ xuống sàn nhà	30	180	72	3

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ Quý	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
3.3	Tiến hành siết chặt vít định vị	10	60	24	3
3.4	Cắm chìa khóa, thực hiện khóa mở, xác định khóa, chốt xoay có ổn định hay không	5	30	12	3
4	Điều hòa	120	1.200	-	5
4.1	Dùng điều khiển từ xa, tiến hành bật điều hòa, để kiểm tra tình hình hoạt động.	3	30		5
4.2	Kiểm tra bảo dưỡng, vệ sinh dàn nóng	0	0		5
	- Tháo nắp bảo vệ của dàn nóng, dùng chổi chuyên dụng tiến hành vệ sinh bụi bẩn.	5	50		5
	- Kiểm tra các đầu dây dẫn điện, ống dẫn nước.	3	30		5
	- Tháo lưới lọc, dùng chổi chuyên dụng hoặc nước sạch để tiến hành vệ sinh lưới lọc, để khô lưới lọc.	10	100		5
	- Dùng máy bơm áp chuyên dụng, xô và nước sạch, máng hứng nước. Thực hiện vệ sinh, làm sạch bụi bẩn của dàn nóng	20	200		5
	- Dùng khăn hoặc máy xì khô chuyên dụng, tiến hành làm khô dàn nóng	10	100		5
	- Thao tác lắp lưới lọc, căn chỉnh vào đúng vị trí, đảm bảo ổn định	5	50		5
	- Thực hiện lắp nắp bảo vệ	5	50		5
	- Dùng khăn chuyên dụng, thực hiện lau khô, sạch bề mặt xung quanh dàn lạnh	5	50		5
4.3	Kiểm tra bảo dưỡng, vệ sinh dàn lạnh	0	0		5
	- Tiến hành tháo nắp bảo vệ của dàn lạnh.	5	50		5
	- Kiểm tra các đầu dây dẫn điện, ống dẫn gas	3	30		5
	- Dùng máy bơm áp chuyên dụng, xô và nước sạch, máng hứng nước. Thực hiện vệ sinh, làm sạch bụi bẩn của dàn lạnh	20	200		5
	- Dùng máy xì khô chuyên dụng, tiến hành làm khô dàn lạnh	5	50		5

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ Quý	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
	- Dùng đồng hồ chuyên dụng, tiến hành đo gas. Tiến hành thực hiện nạp gas bổ sung nếu cần thiết.	5	50		5
	- Kiểm tra ống thoát nước.	2	20		5
	- Lắp lại nắp bảo vệ.	5	50		5
	- Dùng khăn chuyên dụng, thực hiện lau khô, sạch bề mặt xung quanh dàn lạnh	2	20		5
4.4	Kiểm tra và thay thế pin điều khiển từ xa.	0	0		5
	- Tiến hành kiểm tra hoạt động của điều khiển từ xa. Tháo nắp bảo vệ pin điều khiển, kiểm tra chất lượng pin. Tiến hành thay pin mới nếu cần thiết.	2	20		5
4.5	Thao tác khởi động điều hòa.	0	0		5
	- Theo dõi hoạt động của dàn lạnh và dàn nóng, đảm bảo cục nóng hoạt động êm ái, không phát ra tiếng ồn, hơi dàn lạnh không có mùi hôi	5	50		5
	- Đảm bảo các yếu tố vệ sinh, an toàn và ổn định.	0	0		5
5	Quạt trần	180	840	390	4
5.1	Tiến hành bật công tắc quạt để kiểm tra tình hình hoạt động.	6	28	13	4
5.2	Điều chỉnh các mức độ tăng giảm để kiểm tra sự ổn định của hộp số.	6	28	13	4
5.3	Tiến hành tắt công tắc quạt cho dừng hẳn, sau đó ngắt atomat, đảm bảo không có điện vào thiết bị. Để thực hiện bảo dưỡng cánh và các chi tiết	9	42	19,5	4
5.4	Dùng thang chuyên dụng, đưa vào đúng vị trí, điều chỉnh chiều cao của thang vừa tầm. Đảm bảo thang ổn định.	9	42	19,5	4
5.5	Tiến hành tháo các vít định vị của cánh quạt	6	28	13	4
5.6	Dùng khăn chuyên dụng, tiến hành vệ sinh, lau cánh quạt bằng khăn ướt nhúng nước xà phòng.	18	84	39	4
5.7	Dùng khăn chuyên dụng tiến hành làm khô cánh quạt	18	84	39	4
5.8	Tiến hành tháo ốp trang trí	12	56	26	4

A

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ Quý	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
5.9	Tiến hành tra dầu	12	56	26	4
5.10	Chấm 2 - 3 giọt dầu máy may vào bạc quạt, quay nhẹ cốt để dầu thấm vào. (Lưu ý không để dầu rơi vào cuộn dây mô tơ)	12	56	26	4
5.11	Dùng khăn chuyên dụng nhúng nước xà phòng, tiến hành vệ sinh	12	56	26	4
5.12	Dùng khăn chuyên dụng tiến hành làm khô	6	28	13	4
5.13	Thực hiện lắp ốp đèn trang trí, siết chặt vít định vị	12	56	26	4
5.14	Thực hiện lắp cánh, siết chặt vít định vị	12	56	26	4
5.15	Kiểm tra xem quạt trần có gắn vững chắc trên trần nhà hay không, cánh quạt phải cùng khoảng cách với trần khi đo.	12	56	26	4
5.16	Thao tác khởi động quạt.	12	56	26	4
5.17	Quan sát hoạt động, đảm bảo quạt vận hành êm ái, ổn định.	6	28	13	4
6	Quạt treo tường	30	570	0	4
6.1	Tiến hành bật công tắc quạt để kiểm tra tình hình hoạt động.	0,5	13		4
6.2	Điều chỉnh các mức độ tăng giảm để kiểm tra sự ổn định của hộp số.	0,5	13		4
6.3	Tiến hành tắt công tắc quạt cho dừng hẳn, sau đó ngắt atomat, đảm bảo không có điện vào thiết bị. Để thực hiện bảo dưỡng cánh và các chi tiết	0,5	13		4
6.4	Ngắt kết nối (rút phích cắm) của thiết bị	0,5	13		4
6.5	Dùng thang chuyên dụng, đưa vào đúng vị trí, điều chỉnh chiều cao của thang vừa tầm. Đảm bảo thang ổn định.	1	26		4
6.6	Tháo quạt từ chốt định vị tại thân sau quạt	0,5	13		4
6.7	Hạ quạt xuống, di chuyển ra vị trí đủ ánh sáng và sạch sẽ để thực hiện bảo dưỡng	0,5	13		4
6.8	Tiến hành thực hiện tháo lưới bảo vệ, bằng cách tháo khóa định vị	2	52		4
6.9	Tiến hành tháo ốc hãm định vị cánh	0,5	13		4

A

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ Quý	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
6.10	Hòa xà phòng với một ít nước sạch, cho cánh quạt và lưới bảo vệ vào cọ rửa hết bụi bẩn.	10	60		4
6.11	Tiếp theo rửa sạch bằng nước, đảm bảo hết xà phòng	2	52		4
6.12	Dùng khăn chuyên dụng, tiến hành lau khô.	1	26		4
6.13	Tiến hành tháo ốc hăng định vị lưới sau	0,5	13		4
6.14	Tiến hành tháo vít định vị của ốp bảo vệ động cơ, tháo ốp bảo vệ. Mở nắp bánh răng ở mặt sau và nắp có gắn đệm trục, lau sạch 2 đầu trục ra để tra dầu.	1,5	39		4
6.15	Sử dụng dầu máy chuyên dụng, chấm vài giọt dầu máy vào bạc quạt, quay nhẹ cốt để dầu thấm vào. (Chú ý không để dầu rớt vào cuộn dây mô tơ.)	1	26		4
6.16	Tiến hành lắp các chi tiết, đảm bảo đúng quy cách và ổn định	5	120		4
6.17	Kiểm tra kỹ dây điện, phích cắm xem có bị chuột cắn làm rò điện không. Nếu phát hiện dây điện nguồn bị đứt, công tắc tiếp xúc không tốt, nên thay ngay để tránh chập điện.	1	26		4
6.18	Sau đó cắm điện chạy thử khoảng 10 phút, quạt sát thiết bị vận hành, đảm bảo chạy êm ái, ổn định.	1,5	39		4
7	Mái, trần nhôm bằng Alumilium	960	1.920	2.880	5
7.1	Sử dụng thang chuyên dụng, đặt vào vị trí phía ngoài phía cuối nhà chờ, căn chỉnh đủ độ cao, ổn định	30	60	90	5
7.2	Tiến hành định vị thang bằng dây bảo hiểm	15	30	45	5
7.3	Nhân viên kỹ thuật, phải tiến hành thắt dây an toàn chuyên dụng trước lúc di chuyển lên mái nhà chờ	15	30	45	5
7.4	Tiến hành di chuyển lên phía trên của mái	10	20	30	5
7.5	Di chuyển nhẹ hai chân theo xà gỗ, đảm bảo mái không bị cong vênh.	20	40	60	5
7.6	Quan sát trực quan các mối nối của mái và máng thu nước	10	20	30	5

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ Quý	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
7.7	Dùng chổi và bao tải chuyên dụng. Tiến hành vệ sinh, thu gom rác và cặn bẩn của máng thu nước	120	240	360	5
7.8	Buộc chặt bảo tải, đảm bảo an toàn, di chuyển xuống mặt đất	50	100	150	5
7.9	Di chuyển rác tới vị trí tập kết theo quy định	30	60	90	5
7.10	Chuẩn bị keo và súng chuyên dụng để xử lý các khe hở giữa các mối nối và các vít định vị	30	60	90	5
7.11	Tiến hành thực hiện bơm keo chuyên dụng bằng súng bơm đúng quy định	300	600	900	5
7.12	Trường hợp vít định vị bị bung hoặc mất. Sử dụng súng và vít, bắn bổ sung, bôi keo các chỗ bắn vít, keo tại các đầu nối.	300	600	900	5
7.13	Kết thúc công việc, di chuyển các trang thiết bị dụng cụ và vật tư xuống mặt đất. Trả lại mặt bằng mái thông thoáng và ổn định.	30	60	90	5
Tổng số phút thực hiện BDSC		1.680	5.050	3.640	

**NỘI DUNG VÀ ĐỊNH NGẠCH DUY TU, DUY TRÌ BDSC ĐỊNH KỲ NHÀ CHỜ BRT -
6 THÁNG**

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ Quý	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
Chuẩn bị tác nghiệp (vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc và tổ sản xuất) đúng, đầy đủ.		60	60	90	5
1	Hệ thống cửa kính tự động	240	240	240	6
1.1	Kiểm tra phần nắp bảo vệ hệ thống kín hay hở, có nứt vỡ hay bong tróc, kịp thời sửa chữa, thay mới nếu cần.	60	60	60	7
1.2	Kiểm tra độ căng, độ chùng của các dây curoa chuyển động, điều chỉnh đảm bảo hệ thống chuyển động được trơn tru, ổn định.	25	25	25	5

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ Quý	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
1.3	Tiến hành siết chặt vít định vị và vệ sinh ray dẫn hướng, đảm bảo không có vật cản bên trong ảnh hưởng đến sự chuyển động của hệ thống cửa.	15	15	15	5
1.4	Dùng chổi chuyên dụng, thực hiện vệ sinh làm sạch bụi bẩn của mô tơ, bảng mạch.	15	15	15	5
1.5	Tiến hành siết chặt ốc vít định vị đảm bảo chắc chắn không bị long, mất mát.	20	20	20	6
1.6	Tiến hành tháo nắp bảo vệ của bánh xe dẫn hướng, siết chặt vít định vị. Dùng chổi chuyên dụng, tiến hành vệ sinh bánh xe con lăn.	35	35	35	7
1.7	Lắp lại nắp bảo vệ.	50	50	50	5
1.8	Cho vận hành thử, đảm bảo hệ thống cửa vận hành êm ái, ổn định.	20	20	20	7
2	Hệ thống cửa cuốn xếp	120	0	0	4
2.1	Dùng chổi chuyên dụng, tiến hành vệ sinh mô tơ, kiểm tra hoạt động motor, tiến hành tra dầu mỡ chuyên dụng nếu cần.	30	0	0	4
2.2	Dùng chổi thực hiện vệ sinh phanh hãm, kiểm tra chất lượng hãm và má hãm của phanh.	10	0	0	4
2.3	Dùng chổi thực hiện vệ sinh U dẫn hướng, kiểm tra U dẫn hướng định vị có bị xô lệch hay không. Thực hiện nắn chỉnh nếu bị xô lệch.	10	0	0	4
2.4	Tiến hành kiểm tra nan, độ xô dịch của nan.	4	0	0	4
2.5	Tiến hành siết chặt vít định vị của lô cuốn, đảm bảo độ an toàn, ổn định.	6	0	0	4
2.6	Thực hiện kiểm tra, điều chỉnh độ căng và dùng chổi chuyên dụng thực hiện vệ sinh xích chuyên tải.	30	0	0	4
2.7	Thực hiện tra dầu mỡ xích chuyên tải.	20	0	0	4
2.8	Tiến hành kiểm tra hoạt động của điều khiển từ xa. Tháo nắp bảo vệ pin điều khiển, kiểm tra chất lượng pin. Tiến hành thay pin mới nếu cần thiết.	4	0	0	4

H

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ Quý	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
2.9	Cho vận hành thử, đảm bảo hệ thống cửa vận hành êm ái, ổn định.	6	0	0	4
3	Hệ thống cửa, khóa phòng vé và các phòng chức năng	50	300	120	3
3.1	Quan sát trực quan trình trạng hoạt động của bản lề cửa.	5	30	12	3
3.2	Trong trường hợp cửa bị sệ cánh, chạm sàn. Thì tiến hành thực hiện tháo vít định vị, nâng hệ thống cánh lên đúng vừa tầm, đảm bảo cánh không bị cọ xuống sàn nhà	30	180	72	3
3.3	Tiến hành siết chặt vít định vị	10	60	24	3
3.4	Cắm chìa khóa, thực hiện khóa mở, xác định khóa, chốt xoay có ổn định hay không	5	30	12	3
4	Điều hòa	120	1.200	-	5
4.1	Dùng điều khiển từ xa, tiến hành bật điều hòa, để kiểm tra tình hình hoạt động.	3	30		5
4.2	Kiểm tra bảo dưỡng, vệ sinh dàn nóng	0	0		5
	- Tháo nắp bảo vệ của dàn nóng, dùng chổi chuyên dụng tiến hành vệ sinh bụi bẩn.	5	50		5
	- Kiểm tra các đầu dây dẫn điện, ống dẫn nước.	3	30		5
	- Tháo lưới lọc, dùng chổi chuyên dụng hoặc nước sạch để tiến hành vệ sinh lưới lọc, để khô lưới lọc.	10	100		5
	- Dùng máy bơm áp chuyên dụng, xô và nước sạch, máng hứng nước. Thực hiện vệ sinh, làm sạch bụi bẩn của dàn nóng	20	200		5
	- Dùng khăn hoặc máy xì khô chuyên dụng, tiến hành làm khô dàn nóng	10	100		5
	- Thao tác lắp lưới lọc, căn chỉnh vào đúng vị trí, đảm bảo ổn định	5	50		5
	- Thực hiện lắp nắp bảo vệ	5	50		5
	- Dùng khăn chuyên dụng, thực hiện lau khô, sạch bề mặt xung quanh dàn lạnh	5	50		5
4.3	Kiểm tra bảo dưỡng, vệ sinh dàn lạnh	0	0		5

A

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ Quý	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
	- Tiến hành tháo nắp bảo vệ của dàn lạnh.	5	50		5
	- Kiểm tra các đầu dây dẫn điện, ống dẫn gas	3	30		5
	- Dùng máy bơm áp chuyên dụng, xô và nước sạch, máng hứng nước. Thực hiện vệ sinh, làm sạch bụi bẩn của dàn lạnh	20	200		5
	- Dùng máy xì khô chuyên dụng, tiến hành làm khô dàn lạnh	5	50		5
	- Dùng đồng hồ chuyên dụng, tiến hành đo gas. Tiến hành thực hiện nạp gas bổ sung nếu cần thiết.	5	50		5
	- Kiểm tra ống thoát nước.	2	20		5
	- Lắp lại nắp bảo vệ.	5	50		5
	- Dùng khăn chuyên dụng, thực hiện lau khô, sạch bề mặt xung quanh dàn lạnh	2	20		5
4.4	Kiểm tra và thay thế pin điều khiển từ xa.	0	0		5
	- Tiến hành kiểm tra hoạt động của điều khiển từ xa. Tháo nắp bảo vệ pin điều khiển, kiểm tra chất lượng pin. Tiến hành thay pin mới nếu cần thiết.	2	20		5
4.5	Thao tác khởi động điều hòa.	0	0		5
	- Theo dõi hoạt động của dàn lạnh và dàn nóng, đảm bảo cục nóng hoạt động êm ái, không phát ra tiếng ồn, hơi dàn lạnh không có mùi hôi	5	50		5
	- Đảm bảo các yếu tố vệ sinh, an toàn và ổn định.	0	0		5
5	Quạt trần	180	840	390	4
5.1	Tiến hành bật công tắc quạt để kiểm tra tình hình hoạt động.	6	28	13	4
5.2	Điều chỉnh các mức độ tăng giảm để kiểm tra sự ổn định của hộp số.	6	28	13	4
5.3	Tiến hành tắt công tắc quạt cho dừng hẳn, sau đó ngắt atomat, đảm bảo không có điện vào thiết bị. Để thực hiện bảo dưỡng cánh và các chi tiết	9	42	19,5	4

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ Quý	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
5.4	Dùng thang chuyên dụng, đưa vào đúng vị trí, điều chỉnh chiều cao của thang vừa tầm. Đảm bảo thang ổn định.	9	42	19,5	4
5.5	Tiến hành tháo các vít định vị của cánh quạt	6	28	13	4
5.6	Dùng khăn chuyên dụng, tiến hành vệ sinh, lau cánh quạt bằng khăn ướt nhúng nước xà phòng.	18	84	39	4
5.7	Dùng khăn chuyên dụng tiến hành làm khô cánh quạt	18	84	39	4
5.8	Tiến hành tháo ốp trang trí	12	56	26	4
5.9	Tiến hành tra dầu	12	56	26	4
5.10	Chấm 2 - 3 giọt dầu máy may vào bạc quạt, quay nhẹ cốt để dầu thấm vào. (Lưu ý không để dầu rơi vào cuộn dây mô tơ)	12	56	26	4
5.11	Dùng khăn chuyên dụng nhúng nước xà phòng, tiến hành vệ sinh	12	56	26	4
5.12	Dùng khăn chuyên dụng tiến hành làm khô	6	28	13	4
5.13	Thực hiện lắp ốp đèn trang trí, siết chặt vít định vị	12	56	26	4
5.14	Thực hiện lắp cánh, siết chặt vít định vị	12	56	26	4
5.15	Kiểm tra xem quạt trần có gắn vững chắc trên trần nhà hay không, cánh quạt phải cùng khoảng cách với trần khi đo.	12	56	26	4
5.16	Thao tác khởi động quạt.	12	56	26	4
5.17	Quan sát hoạt động, đảm bảo quạt vận hành êm ái, ổn định.	6	28	13	4
6	Quạt treo tường	30	570	0	4
6.1	Tiến hành bật công tắc quạt để kiểm tra tình hình hoạt động.	0,5	13		4
6.2	Điều chỉnh các mức độ tăng giảm để kiểm tra sự ổn định của hộp số.	0,5	13		4
6.3	Tiến hành tắt công tắc quạt cho dừng hẳn, sau đó ngắt atomat, đảm bảo không có điện vào thiết bị. Để thực hiện bảo dưỡng cánh và các chi tiết	0,5	13		4
6.4	Ngắt kết nối (rút phích cắm) của thiết bị	0,5	13		4

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ Quý	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
6.5	Dùng thang chuyên dụng, đưa vào đúng vị trí, điều chỉnh chiều cao của thang vừa tầm. Đảm bảo thang ổn định.	1	26		4
6.6	Tháo quạt từ chốt định vị tại thân sau quạt	0,5	13		4
6.7	Hạ quạt xuống, di chuyển ra vị trí đủ ánh sáng và sạch sẽ để thực hiện bảo dưỡng	0,5	13		4
6.8	Tiến hành thực hiện tháo lưới bảo vệ, bằng cách tháo khóa định vị	2	52		4
6.9	Tiến hành tháo ốc hăng định vị cánh	0,5	13		4
6.10	Hòa xà phòng với một ít nước sạch, cho cánh quạt và lưới bảo vệ vào cọ rửa hết bụi bẩn.	10	60		4
6.11	Tiếp theo rửa sạch bằng nước, đảm bảo hết xà phòng	2	52		4
6.12	Dùng khăn chuyên dụng, tiến hành lau khô.	1	26		4
6.13	Tiến hành tháo ốc hăng định vị lưới sau	0,5	13		4
6.14	Tiến hành tháo vít định vị của ốp bảo vệ động cơ, tháo ốp bảo vệ. Mở nắp bánh răng ở mặt sau và nắp có gắn đệm trục, lau sạch 2 đầu trục ra để tra dầu.	1,5	39		4
6.15	Sử dụng dầu máy chuyên dụng, chấm vài giọt dầu máy vào bạc quạt, quay nhẹ cốt để dầu thấm vào. (Chú ý không để dầu rót vào cuộn dây mô tơ.)	1	26		4
6.16	Tiến hành lắp các chi tiết, đảm bảo đúng quy cách và ổn định	5	120		4
6.17	Kiểm tra kỹ dây điện, phích cắm xem có bị chuột cắn làm rò điện không. Nếu phát hiện dây điện nguồn bị đứt, công tắc tiếp xúc không tốt, nên thay ngay để tránh chập điện.	1	26		4
6.18	Sau đó cắm điện chạy thử khoảng 10 phút, quạt sát thiết bị vận hành, đảm bảo chạy êm ái, ổn định.	1,5	39		4
7	Mái, trần nhôm bằng Alumilium	960	1.920	2.880	5

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ Quý	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
7.1	Sử dụng thang chuyên dụng, đặt vào vị trí phía ngoài phía cuối nhà chờ, căn chỉnh đủ độ cao, ổn định	30	60	90	5
7.2	Tiến hành định vị thang bằng dây bảo hiểm	15	30	45	5
7.3	Nhân viên kỹ thuật, phải tiến hành thắt dây an toàn chuyên dụng trước lúc di chuyển lên mái nhà chờ	15	30	45	5
7.4	Tiến hành di chuyển lên phía trên của mái	10	20	30	5
7.5	Di chuyển nhẹ hai chân theo xà gỗ, đảm bảo mái không bị cong vênh.	20	40	60	5
7.6	Quan sát trực quan các mối nối của mái và máng thu nước	10	20	30	5
7.7	Dùng chổi và bao tải chuyên dụng. Tiến hành vệ sinh, thu gom rác và cặn bẩn của máng thu nước	120	240	360	5
7.8	Buộc chặt bảo tải, đảm bảo an toàn, di chuyển xuống mặt đất	50	100	150	5
7.9	Di chuyển rác tới vị trí tập kết theo quy định	30	60	90	5
7.10	Chuẩn bị keo và súng chuyên dụng để xử lý các khe hở giữa các mối nối và các vít định vị	30	60	90	5
7.11	Tiến hành thực hiện bơm keo chuyên dụng bằng súng bơm đúng quy định	300	600	900	5
7.12	Trường hợp vít định vị bị bung hoặc mất. Sử dụng súng và vít, bắn bổ sung, bôi keo các chỗ bắn vít, keo tại các đầu nối.	300	600	900	5
7.13	Kết thúc công việc, di chuyển các trang thiết bị dụng cụ và vật tư xuống mặt đất. Trả lại mặt bằng mái thông thoáng và ổn định.	30	60	90	5
8	Phòng cháy chữa cháy	18	12	18	5
8.1	Vệ sinh hộp bình bọt.	6	4	6	5
8.2	Kiểm tra khí đẩy thông qua áp kế hoặc cân rồi so sánh với khối lượng ban đầu.	3	2	3	5
8.3	Kim chỉ dưới vạch xanh thì phải nạp lại khí.	1,5	1	1,5	5
8.4	Kiểm tra khối lượng bột bằng cách cân so sánh.	1,5	1	1,5	5
8.5	Kiểm tra vòi, loa phun.	1,5	1	1,5	5

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ Quý	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
8.6	Trường hợp hết hạn sử dụng hoặc đã dùng hết. Thì báo cáo đề xuất nạp khí bổ sung.	3	2	3	5
8.7	Đề bình bọt lại vị trí cũ. Khóa hộp bình bọt.	1,5	1	1,5	5
Tổng số phút thực hiện BDSC		1.698	5.062	3.658	

NỘI DUNG VÀ ĐỊNH NGẠCH DUY TU, DUY TRÌ BDSC ĐỊNH KỲ NHÀ CHỜ BRT-12 THÁNG

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 12 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
Chuẩn bị tác nghiệp (vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc và tổ sản xuất) đúng, đầy đủ.		60	60	90	5
1	Hệ thống cửa kính tự động	240	240	240	6
1.1	Kiểm tra phần nắp bảo vệ hệ thống kín hay hở, có nứt vỡ hay bong tróc, kịp thời sửa chữa, thay mới nếu cần.	60	60	60	7
1.2	Kiểm tra độ căng, độ chùng của các dây curoa chuyển động, điều chỉnh đảm bảo hệ thống chuyển động được trơn tru, ổn định.	25	25	25	5
1.3	Tiến hành siết chặt vít định vị và vệ sinh ray dẫn hướng, đảm bảo không có vật cản bên trong ảnh hưởng đến sự chuyển động của hệ thống cửa.	15	15	15	5
1.4	Dùng chổi chuyên dụng, thực hiện vệ sinh làm sạch bụi bẩn của mô tơ, bảng mạch.	15	15	15	5
1.5	Tiến hành siết chặt ốc vít định vị đảm bảo chắc chắn không bị long, mất mát.	20	20	20	6
1.6	Tiến hành tháo nắp bảo vệ của bánh xe dẫn hướng, siết chặt vít định vị. Dùng chổi chuyên dụng, tiến hành vệ sinh bánh xe con lăn.	35	35	35	7
1.7	Lắp lại nắp bảo vệ.	50	50	50	5
1.8	Cho vận hành thử, đảm bảo hệ thống cửa vận hành êm ái, ổn định.	20	20	20	7
2	Hệ thống cửa cuốn xếp	120	0	0	4

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 12 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
2.1	Dùng chổi chuyên dụng, tiến hành vệ sinh mô tơ, kiểm tra hoạt động motor, tiến hành tra dầu mỡ chuyên dụng nếu cần.	30	0	0	4
2.2	Dùng chổi thực hiện vệ sinh phanh hãm, kiểm tra chất lượng hãm và má hãm của phanh.	10	0	0	4
2.3	Dùng chổi thực hiện vệ sinh U dẫn hướng, kiểm tra U dẫn hướng định vị có bị xô lệch hay không. Thực hiện nắn chỉnh nếu bị xô lệch.	10	0	0	4
2.4	Tiến hành kiểm tra nan, độ xô dịch của nan.	4	0	0	4
2.5	Tiến hành siết chặt vít định vị của lô cuốn, đảm bảo độ an toàn, ổn định.	6	0	0	4
2.6	Thực hiện kiểm tra, điều chỉnh độ căng và dùng chổi chuyên dụng thực hiện vệ sinh xích chuyên tải.	30	0	0	4
2.7	Thực hiện tra dầu mỡ xích chuyên tải.	20	0	0	4
2.8	Tiến hành kiểm tra hoạt động của điều khiển từ xa. Tháo nắp bảo vệ pin điều khiển, kiểm tra chất lượng pin. Tiến hành thay pin mới nếu cần thiết.	4	0	0	4
2.9	Cho vận hành thử, đảm bảo hệ thống cửa vận hành êm ái, ổn định.	6	0	0	4
3	Hệ thống cửa, khóa phòng vé và các phòng chức năng	50	300	120	3
3.1	Quan sát trực quan trình trạng hoạt động của bản lề cửa.	5	30	12	3
3.2	Trong trường hợp cửa bị sệ cánh, chạm sàn. Thì tiến hành thực hiện tháo vít định vị, nâng hệ thống cánh lên đúng vừa tầm, đảm bảo cánh không bị cọ xuống sàn nhà	30	180	72	3
3.3	Tiến hành siết chặt vít định vị	10	60	24	3
3.4	Cắm chìa khóa, thực hiện khóa mở, xác định khóa, chốt xoay có ổn định hay không	5	30	12	3
4	Điều hòa	120	1.200	-	5
4.1	Dùng điều khiển từ xa, tiến hành bật điều hòa, để kiểm tra tình hình hoạt động.	3	30		5
4.2	Kiểm tra bảo dưỡng, vệ sinh dàn nóng	0	0		5

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 12 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
	- Tháo nắp bảo vệ của dàn nóng, dùng chổi chuyên dụng tiến hành vệ sinh bụi bẩn.	5	50		5
	- Kiểm tra các đầu dây dẫn điện, ống dẫn nước.	3	30		5
	- Tháo lưới lọc, dùng chổi chuyên dụng hoặc nước sạch để tiến hành vệ sinh lưới lọc, để khô lưới lọc.	10	100		5
	- Dùng máy bơm áp chuyên dụng, xô và nước sạch, máng hứng nước. Thực hiện vệ sinh, làm sạch bụi bẩn của dàn nóng	20	200		5
	- Dùng khăn hoặc máy xì khô chuyên dụng, tiến hành làm khô dàn nóng	10	100		5
	- Thao tác lắp lưới lọc, căn chỉnh vào đúng vị trí, đảm bảo ổn định	5	50		5
	- Thực hiện lắp nắp bảo vệ	5	50		5
	- Dùng khăn chuyên dụng, thực hiện lau khô, sạch bề mặt xung quanh dàn lạnh	5	50		5
4.3	Kiểm tra bảo dưỡng, vệ sinh dàn lạnh	0	0		5
	- Tiến hành tháo nắp bảo vệ của dàn lạnh.	5	50		5
	- Kiểm tra các đầu dây dẫn điện, ống dẫn gas	3	30		5
	- Dùng máy bơm áp chuyên dụng, xô và nước sạch, máng hứng nước. Thực hiện vệ sinh, làm sạch bụi bẩn của dàn lạnh	20	200		5
	- Dùng máy xì khô chuyên dụng, tiến hành làm khô dàn lạnh	5	50		5
	- Dùng đồng hồ chuyên dụng, tiến hành đo gas. Tiến hành thực hiện nạp gas bổ sung nếu cần thiết.	5	50		5
	- Kiểm tra ống thoát nước.	2	20		5
	- Lắp lại nắp bảo vệ.	5	50		5
	- Dùng khăn chuyên dụng, thực hiện lau khô, sạch bề mặt xung quanh dàn lạnh	2	20		5
4.4	Kiểm tra và thay thế pin điều khiển từ xa.	0	0		5
	- Tiến hành kiểm tra hoạt động của điều khiển từ xa. Tháo nắp bảo vệ pin điều khiển, kiểm tra chất lượng pin. Tiến hành thay pin mới nếu cần thiết.	2	20		5

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 12 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
4.5	Thao tác khởi động điều hòa.	0	0		5
	- Theo dõi hoạt động của dàn lạnh và dàn nóng, đảm bảo cục nóng hoạt động êm ái, không phát ra tiếng ồn, hơi dàn lạnh không có mùi hôi	5	50		5
	- Đảm bảo các yếu tố vệ sinh, an toàn và ổn định.	0	0		5
5	Quạt trần	180	840	390	4
5.1	Tiến hành bật công tắc quạt để kiểm tra tình hình hoạt động.	6	28	13	4
5.2	Điều chỉnh các mức độ tăng giảm để kiểm tra sự ổn định của hộp số.	6	28	13	4
5.3	Tiến hành tắt công tắc quạt cho dừng hẳn, sau đó ngắt atomat, đảm bảo không có điện vào thiết bị. Để thực hiện bảo dưỡng cánh và các chi tiết	9	42	19,5	4
5.4	Dùng thang chuyên dụng, đưa vào đúng vị trí, điều chỉnh chiều cao của thang vừa tầm. Đảm bảo thang ổn định.	9	42	19,5	4
5.5	Tiến hành tháo các vít định vị của cánh quạt	6	28	13	4
5.6	Dùng khăn chuyên dụng, tiến hành vệ sinh, lau cánh quạt bằng khăn ướt nhúng nước xà phòng.	18	84	39	4
5.7	Dùng khăn chuyên dụng tiến hành làm khô cánh quạt	18	84	39	4
5.8	Tiến hành tháo ốp trang trí	12	56	26	4
5.9	Tiến hành tra dầu	12	56	26	4
5.10	Chấm 2 - 3 giọt dầu máy may vào bạc quạt, quay nhẹ cốt để dầu thấm vào. (Lưu ý không để dầu rơi vào cuộn dây mô tơ)	12	56	26	4
5.11	Dùng khăn chuyên dụng nhúng nước xà phòng, tiến hành vệ sinh	12	56	26	4
5.12	Dùng khăn chuyên dụng tiến hành làm khô	6	28	13	4
5.13	Thực hiện lắp ốp đèn trang trí, siết chặt vít định vị	12	56	26	4
5.14	Thực hiện lắp cánh, siết chặt vít định vị	12	56	26	4
5.15	Kiểm tra xem quạt trần có gắn vững chắc trên trần nhà hay không, cánh quạt phải cùng khoảng cách với trần khi đo.	12	56	26	4

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chò)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chò/ 12 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
5.16	Thao tác khởi động quạt.	12	56	26	4
5.17	Quan sát hoạt động, đảm bảo quạt vận hành êm ái, ổn định.	6	28	13	4
6	Quạt treo tường	30	570	0	4
6.1	Tiến hành bật công tắc quạt để kiểm tra tình hình hoạt động.	0,5	13		4
6.2	Điều chỉnh các mức độ tăng giảm để kiểm tra sự ổn định của hộp số.	0,5	13		4
6.3	Tiến hành tắt công tắc quạt cho dừng hẳn, sau đó ngắt atomat, đảm bảo không có điện vào thiết bị. Để thực hiện bảo dưỡng cánh và các chi tiết	0,5	13		4
6.4	Ngắt kết nối (rút phích cắm) của thiết bị	0,5	13		4
6.5	Dùng thang chuyên dụng, đưa vào đúng vị trí, điều chỉnh chiều cao của thang vừa tầm. Đảm bảo thang ổn định.	1	26		4
6.6	Tháo quạt từ chốt định vị tại thân sau quạt	0,5	13		4
6.7	Hạ quạt xuống, di chuyển ra vị trí đủ ánh sáng và sạch sẽ để thực hiện bảo dưỡng	0,5	13		4
6.8	Tiến hành thực hiện tháo lưới bảo vệ, bằng cách tháo khóa định vị	2	52		4
6.9	Tiến hành tháo ốc hãm định vị cánh	0,5	13		4
6.10	Hòa xà phòng với một ít nước sạch, cho cánh quạt và lưới bảo vệ vào cọ rửa hết bụi bẩn.	10	60		4
6.11	Tiếp theo rửa sạch bằng nước, đảm bảo hết xà phòng	2	52		4
6.12	Dùng khăn chuyên dụng, tiến hành lau khô.	1	26		4
6.13	Tiến hành tháo ốc hãm định vị lưới sau	0,5	13		4
6.14	Tiến hành tháo vít định vị của ốp bảo vệ động cơ, tháo ốp bảo vệ. Mở nắp bánh răng ở mặt sau và nắp có gắn đệm trục, lau sạch 2 đầu trục ra để tra dầu.	1,5	39		4
6.15	Sử dụng dầu máy chuyên dụng, chấm vài giọt dầu máy vào bạc quạt, quay nhẹ cốt để dầu thấm vào. <i>(Chú ý không để dầu rớt vào cuộn dây mô tơ.)</i>	1	26		4
6.16	Tiến hành lắp các chi tiết, đảm bảo đúng quy cách và ổn định	5	120		4

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 12 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
6.17	Kiểm tra kỹ dây điện, phích cắm xem có bị chuột cắn làm rò điện không. Nếu phát hiện dây điện nguồn bị đứt, công tắc tiếp xúc không tốt, nên thay ngay để tránh chập điện.	1	26		4
6.18	Sau đó cắm điện chạy thử khoảng 10 phút, quat sát thiết bị vận hành, đảm bảo chạy êm ái, ổn định.	1,5	39		4
7	Mái, trần nhôm bằng Alumilium	960	1.920	2.880	5
7.1	Sử dụng thang chuyên dụng, đặt vào vị trí phía ngoài phía cuối nhà chờ, căn chỉnh đủ độ cao, ổn định	30	60	90	5
7.2	Tiến hành định vị thang bằng dây bảo hiểm	15	30	45	5
7.3	Nhân viên kỹ thuật, phải tiến hành thắt dây an toàn chuyên dụng trước lúc di chuyển lên mái nhà chờ	15	30	45	5
7.4	Tiến hành di chuyển lên phía trên của mái	10	20	30	5
7.5	Di chuyển nhẹ hai chân theo xà gỗ, đảm bảo mái không bị cong vênh.	20	40	60	5
7.6	Quan sát trực quan các mối nối của mái và máng thu nước	10	20	30	5
7.7	Dùng chổi và bao tải chuyên dụng. Tiến hành vệ sinh, thu gom rác và cặn bẩn của máng thu nước	120	240	360	5
7.8	Buộc chặt bảo tải, đảm bảo an toàn, di chuyển xuống mặt đất	50	100	150	5
7.9	Di chuyển rác tới vị trí tập kết theo quy định	30	60	90	5
7.10	Chuẩn bị keo và súng chuyên dụng để xử lý các khe hở giữa các mối nối và các vít định vị	30	60	90	5
7.11	Tiến hành thực hiện bơm keo chuyên dụng bằng súng bơm đúng quy định	300	600	900	5
7.12	Trường hợp vít định vị bị bung hoặc mất. Sử dụng súng và vít, bắn bổ sung, bôi keo các chỗ bắn vít, keo tại các đầu nối.	300	600	900	5
7.13	Kết thúc công việc, di chuyển các trang thiết bị dụng cụ và vật tư xuống mặt đất. Trả lại mặt bằng mái thông thoáng và ổn định.	30	60	90	5
8	Phòng cháy chữa cháy	18	12	18	5
8.1	Vệ sinh hộp bình bọt.	6	4	6	5

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 12 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
8.2	Kiểm tra khí đẩy thông qua áp kế hoặc cân rồi so sánh với khối lượng ban đầu.	3	2	3	5
8.3	Kim chỉ dưới vạch xanh thì phải nạp lại khí.	1,5	1	1,5	5
8.4	Kiểm tra khối lượng bột bằng cách cân so sánh.	1,5	1	1,5	5
8.5	Kiểm tra vòi, loa phun.	1,5	1	1,5	5
8.6	Trường hợp hết hạn sử dụng hoặc đã dùng hết. Thì báo cáo đề xuất nạp khí bổ sung.	3	2	3	5
8.7	Đề bình bột lại vị trí cũ. Khóa hộp bình bột.	1,5	1	1,5	5
9	Lan can tay vịn phục vụ hành khách	48	16	40	4
9.1	Kiểm tra, siết chặt vít định vị	6	2	5	4
9.2	Trong trường hợp các thanh giằng bị bung mối hàn, bị gãy.	0	0	0	4
9.3	Chuẩn bị nguyên vật liệu đúng quy cách và máy hàn chuyên dụng.	6	2	5	4
9.4	Tiến hành hàn. Trả lại lan can đảm bảo chắc chắn, ổn định	36	12	30	4
Tổng số phút thực hiện BDSC		1.746	5.078	3.698	

**NỘI DUNG VÀ ĐỊNH NGẠCH DUY TU, DUY TRÌ BDSC ĐỊNH KỲ NHÀ CHỜ BRT-
24 THÁNG**

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 24 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
Chuẩn bị tác nghiệp (vật tư, dụng cụ, đồ nghề, phân công công việc và tổ sản xuất) đúng, đầy đủ.		60	60	90	5
1	Hệ thống cửa kính tự động	240	240	240	6
1.1	Kiểm tra phần nắp bảo vệ hệ thống kín hay hở, có nứt vỡ hay bong tróc, kịp thời sửa chữa, thay mới nếu cần.	60	60	60	7
1.2	Kiểm tra độ căng, độ chùng của các dây curoa chuyển động, điều chỉnh đảm bảo hệ thống chuyển động được trơn tru, ổn định.	25	25	25	5

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 24 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
1.3	Tiến hành siết chặt vít định vị và vệ sinh ray dẫn hướng, đảm bảo không có vật cản bên trong ảnh hưởng đến sự chuyển động của hệ thống cửa.	15	15	15	5
1.4	Dùng chổi chuyên dụng, thực hiện vệ sinh làm sạch bụi bẩn của mô tơ, bảng mạch.	15	15	15	5
1.5	Tiến hành siết chặt ốc vít định vị đảm bảo chắc chắn không bị lỏng, mất mát.	20	20	20	6
1.6	Tiến hành tháo nắp bảo vệ của bánh xe dẫn hướng, siết chặt vít định vị. Dùng chổi chuyên dụng, tiến hành vệ sinh bánh xe con lăn.	35	35	35	7
1.7	Lắp lại nắp bảo vệ.	50	50	50	5
1.8	Cho vận hành thử, đảm bảo hệ thống cửa vận hành êm ái, ổn định.	20	20	20	7
2	Hệ thống cửa cuốn xếp.	120	0	0	4
2.1	Dùng chổi chuyên dụng, tiến hành vệ sinh mô tơ, kiểm tra hoạt động motor, tiến hành tra dầu mỡ chuyên dụng nếu cần.	30	0	0	4
2.2	Dùng chổi thực hiện vệ sinh phanh hãm, kiểm tra chất lượng hãm và má hãm của phanh.	10	0	0	4
2.3	Dùng chổi thực hiện vệ sinh U dẫn hướng, kiểm tra U dẫn hướng định vị có bị xô lệch hay không. Thực hiện nắn chỉnh nếu bị xô lệch.	10	0	0	4
2.4	Tiến hành kiểm tra nan, độ xô dịch của nan.	4	0	0	4
2.5	Tiến hành siết chặt vít định vị của lô cuốn, đảm bảo độ an toàn, ổn định.	6	0	0	4
2.6	Thực hiện kiểm tra, điều chỉnh độ căng và dùng chổi chuyên dụng thực hiện vệ sinh xích chuyên tải.	30	0	0	4
2.7	Thực hiện tra dầu mỡ xích chuyên tải.	20	0	0	4
2.8	Tiến hành kiểm tra hoạt động của điều khiển từ xa. Tháo nắp bảo vệ pin điều khiển, kiểm tra chất lượng pin. Tiến hành thay pin mới nếu cần thiết.	4	0	0	4
2.9	Cho vận hành thử, đảm bảo hệ thống cửa vận hành êm ái, ổn định.	6	0	0	4

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 24 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
3	Hệ thống cửa, khóa phòng vé và các phòng chức năng	50	300	120	3
3.1	Quan sát trực quan trình trạng hoạt động của bản lề cửa.	5	30	12	3
3.2	Trong trường hợp cửa bị sệ cánh, chạm sàn. Thì tiến hành thực hiện tháo vít định vị, nâng hệ thống cánh lên đúng vừa tầm, đảm bảo cánh không bị cọ xuống sàn nhà	30	180	72	3
3.3	Tiến hành siết chặt vít định vị	10	60	24	3
3.4	Cắm chìa khóa, thực hiện khóa mở, xác định khóa, chốt xoay có ổn định hay không	5	30	12	3
4	Điều hòa	120	1.200	-	5
4.1	Dùng điều khiển từ xa, tiến hành bật điều hòa, để kiểm tra tình hình hoạt động.	3	30		5
4.2	Kiểm tra bảo dưỡng, vệ sinh dàn nóng	0	0		5
	- Tháo nắp bảo vệ của dàn nóng, dùng chổi chuyên dụng tiến hành vệ sinh bụi bẩn.	5	50		5
	- Kiểm tra các đầu dây dẫn điện, ống dẫn nước.	3	30		5
	- Tháo lưới lọc, dùng chổi chuyên dụng hoặc nước sạch để tiến hành vệ sinh lưới lọc, để khô lưới lọc.	10	100		5
	- Dùng máy bơm áp chuyên dụng, xô và nước sạch, máng hứng nước. Thực hiện vệ sinh, làm sạch bụi bẩn của dàn nóng	20	200		5
	- Dùng khăn hoặc máy xi khô chuyên dụng, tiến hành làm khô dàn nóng	10	100		5
	- Thao tác lắp lưới lọc, căn chỉnh vào đúng vị trí, đảm bảo ổn định	5	50		5
	- Thực hiện lắp nắp bảo vệ	5	50		5
	- Dùng khăn chuyên dụng, thực hiện lau khô, sạch bề mặt xung quanh dàn lạnh	5	50		5
4.3	Kiểm tra bảo dưỡng, vệ sinh dàn lạnh	0	0		5
	- Tiến hành tháo nắp bảo vệ của dàn lạnh.	5	50		5
	- Kiểm tra các đầu dây dẫn điện, ống dẫn gas	3	30		5
	- Dùng máy bơm áp chuyên dụng, xô và nước sạch, máng hứng nước. Thực hiện vệ sinh, làm sạch bụi bẩn của dàn lạnh	20	200		5
	- Dùng máy xi khô chuyên dụng, tiến hành làm khô dàn lạnh	5	50		5

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 24 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
	- Dùng đồng hồ chuyên dụng, tiến hành đo gas. Tiến hành thực hiện nạp gas bổ sung nếu cần thiết.	5	50		5
	- Kiểm tra ống thoát nước.	2	20		5
	- Lắp lại nắp bảo vệ.	5	50		5
	- Dùng khăn chuyên dụng, thực hiện lau khô, sạch bề mặt xung quanh dàn lạnh	2	20		5
4.4	Kiểm tra và thay thế pin điều khiển từ xa.	0	0		5
	- Tiến hành kiểm tra hoạt động của điều khiển từ xa. Tháo nắp bảo vệ pin điều khiển, kiểm tra chất lượng pin. Tiến hành thay pin mới nếu cần thiết.	2	20		5
4.5	Thao tác khởi động điều hòa.	0	0		5
	- Theo dõi hoạt động của dàn lạnh và dàn nóng, đảm bảo cục nóng hoạt động êm ái, không phát ra tiếng ồn, hơi dàn lạnh không có mùi hôi	5	50		5
	- Đảm bảo các yếu tố vệ sinh, an toàn và ổn định.	0	0		5
5	Quạt trần.	180	840	390	4
5.1	Tiến hành bật công tắc quạt để kiểm tra tình hình hoạt động.	6	28	13	4
5.2	Điều chỉnh các mức độ tăng giảm để kiểm tra sự ổn định của hộp số.	6	28	13	4
5.3	Tiến hành tắt công tắc quạt cho dừng hẳn, sau đó ngắt atomat, đảm bảo không có điện vào thiết bị. Để thực hiện bảo dưỡng cánh và các chi tiết	9	42	19,5	4
5.4	Dùng thang chuyên dụng, đưa vào đúng vị trí, điều chỉnh chiều cao của thang vừa tầm. Đảm bảo thang ổn định.	9	42	19,5	4
5.5	Tiến hành tháo các vít định vị của cánh quạt	6	28	13	4
5.6	Dùng khăn chuyên dụng, tiến hành vệ sinh, lau cánh quạt bằng khăn ướt nhúng nước xà phòng.	18	84	39	4
5.7	Dùng khăn chuyên dụng tiến hành làm khô cánh quạt	18	84	39	4
5.8	Tiến hành tháo ốp trang trí	12	56	26	4
5.9	Tiến hành tra dầu	12	56	26	4

A

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chò)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chò/ 24 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
5.10	Chấm 2 - 3 giọt dầu máy may vào bạc quạt, quay nhẹ cốt để dầu thấm vào. (Lưu ý không để dầu rót vào cuộn dây mô tơ)	12	56	26	4
5.11	Dùng khăn chuyên dụng nhúng nước xà phòng, tiến hành vệ sinh	12	56	26	4
5.12	Dùng khăn chuyên dụng tiến hành làm khô	6	28	13	4
5.13	Thực hiện lắp ốp đèn trang trí, siết chặt vít định vị	12	56	26	4
5.14	Thực hiện lắp cánh, siết chặt vít định vị	12	56	26	4
5.15	Kiểm tra xem quạt trần có gắn vững chắc trên trần nhà hay không, cánh quạt phải cùng khoảng cách với trần khi đo.	12	56	26	4
5.16	Thao tác khởi động quạt.	12	56	26	4
5.17	Quan sát hoạt động, đảm bảo quạt vận hành êm ái, ổn định.	6	28	13	4
6	Quạt treo tường	30	570	0	4
6.1	Tiến hành bật công tắc quạt để kiểm tra tình hình hoạt động.	0,5	13		4
6.2	Điều chỉnh các mức độ tăng giảm để kiểm tra sự ổn định của hộp số.	0,5	13		4
6.3	Tiến hành tắt công tắc quạt cho dừng hẳn, sau đó ngắt atomat, đảm bảo không có điện vào thiết bị. Để thực hiện bảo dưỡng cánh và các chi tiết	0,5	13		4
6.4	Ngắt kết nối (rút phích cắm) của thiết bị	0,5	13		4
6.5	Dùng thang chuyên dụng, đưa vào đúng vị trí, điều chỉnh chiều cao của thang vừa tầm. Đảm bảo thang ổn định.	1	26		4
6.6	Tháo quạt từ chốt định vị tại thân sau quạt	0,5	13		4
6.7	Hạ quạt xuống, di chuyển ra vị trí đủ ánh sáng và sạch sẽ để thực hiện bảo dưỡng	0,5	13		4
6.8	Tiến hành thực hiện tháo lưới bảo vệ, bằng cách tháo khóa định vị	2	52		4
6.9	Tiến hành tháo ốc hãm định vị cánh	0,5	13		4
6.10	Hòa xà phòng với một ít nước sạch, cho cánh quạt và lưới bảo vệ vào cọ rửa hết bụi bẩn.	10	60		4
6.11	Tiếp theo rửa sạch bằng nước, đảm bảo hết xà phòng	2	52		4
6.12	Dùng khăn chuyên dụng, tiến hành lau khô.	1	26		4

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 24 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
6.13	Tiến hành tháo ốc hăng định vị lưới sau	0,5	13		4
6.14	Tiến hành tháo vít định vị của ốp bảo vệ động cơ, tháo ốp bảo vệ. Mở nắp bánh răng ở mặt sau và nắp có gắn đệm trục, lau sạch 2 đầu trục ra để tra dầu.	1,5	39		4
6.15	Sử dụng dầu máy chuyên dụng, chấm vài giọt dầu máy vào bạc quạt, quay nhẹ cốt để dầu thấm vào. (Chú ý không để dầu rớt vào cuộn dây mô tơ.)	1	26		4
6.16	Tiến hành lắp các chi tiết, đảm bảo đúng quy cách và ổn định	5	120		4
6.17	Kiểm tra kỹ dây điện, phích cắm xem có bị chuột cắn làm rò điện không. Nếu phát hiện dây điện nguồn bị đứt, công tắc tiếp xúc không tốt, nên thay ngay để tránh chập điện.	1	26		4
6.18	Sau đó cắm điện chạy thử khoảng 10 phút, quat sát thiết bị vận hành, đảm bảo chạy êm ái, ổn định.	1,5	39		4
7	Mái, trần nhôm bằng Alumilium	960	1.920	2.880	5
7.1	Sử dụng thang chuyên dụng, đặt vào vị trí phía ngoài phía cuối nhà chờ, căn chỉnh đủ độ cao, ổn định	30	60	90	5
7.2	Tiến hành định vị thang bằng dây bảo hiểm	15	30	45	5
7.3	Nhân viên kỹ thuật, phải tiến hành thắt dây an toàn chuyên dụng trước lúc di chuyển lên mái nhà chờ	15	30	45	5
7.4	Tiến hành di chuyển lên phía trên của mái	10	20	30	5
7.5	Di chuyển nhẹ hai chân theo xà gỗ, đảm bảo mái không bị cong vênh.	20	40	60	5
7.6	Quan sát trực quan các mối nối của mái và máng thu nước	10	20	30	5
7.7	Dùng chổi và bao tải chuyên dụng. Tiến hành vệ sinh, thu gom rác và cặn bẩn của máng thu nước	120	240	360	5
7.8	Buộc chặt bao tải, đảm bảo an toàn, di chuyển xuống mặt đất	50	100	150	5
7.9	Di chuyển rác tới vị trí tập kết theo quy định	30	60	90	5
7.10	Chuẩn bị keo và súng chuyên dụng để xử lý các khe hở giữa các mối nối và các vít định vị	30	60	90	5

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 24 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
7,11	Tiến hành thực hiện bơm keo chuyên dụng bằng súng bơm đúng quy định	300	600	900	5
7.12	Trường hợp vít định vị bị bung hoặc mất. Sử dụng súng và vít, bắn bổ sung, bôi keo các chỗ bắn vít, keo tại các đầu nối.	300	600	900	5
7.13	Kết thúc công việc, di chuyển các trang thiết bị dụng cụ và vật tư xuống mặt đất. Trả lại mặt bằng mái thông thoáng và ổn định.	30	60	90	5
8	Phòng cháy chữa cháy.	18	12	18	5
8.1	Vệ sinh hộp bình bọt.	6	4	6	5
8.2	Kiểm tra khí đầy thông qua áp kế hoặc cân rồi so sánh với khối lượng ban đầu.	3	2	3	5
8.3	Kim chỉ dưới vạch xanh thì phải nạp lại khí.	1,5	1	1,5	5
8.4	Kiểm tra khối lượng bột bằng cách cân so sánh.	1,5	1	1,5	5
8.5	Kiểm tra vòi, loa phun.	1,5	1	1,5	5
8.6	Trường hợp hết hạn sử dụng hoặc đã dùng hết. Thì báo cáo đề xuất nạp khí bổ sung.	3	2	3	5
8.7	Đổ bình bọt lại vị trí cũ. Khóa hộp bình bọt.	1,5	1	1,5	5
9	Lan can tay vịn phục vụ hành khách	48	16	40	4
9.1	Kiểm tra, siết chặt vít định vị	6	2	5	4
9.2	Trong trường hợp các thanh giằng bị bung mối hàn, bị gãy.	0	0	0	4
9.3	Chuẩn bị nguyên vật liệu đúng quy cách và máy hàn chuyên dụng.	6	2	5	4
9.4	Tiến hành hàn. Trả lại lan can đảm bảo chắc chắn, ổn định	36	12	30	4
10	Bệ cửa lên xuống của hành khách	60	60	60	4
10.1	Kiểm tra, quan sát bằng trực quan tấm Platform gắn kết với bề sàn nhà chờ.	8	8	8	4
10.2	Trường hợp phát hiện bề cửa hoặc cao su bị mất vít định vị	8	8	8	4
10.3	Tiến hành dùng súng bắn vít và vít thực hiện bắn bổ sung	28	28	28	4
10.4	Đảm bảo bề cửa hoàn toàn ổn định	8	8	8	4
10.5	Kiểm tra tay vịn, nắm inox có đủ chắc chắn hay không.	8	8	8	4

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 24 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
11	Khung xà thép và các tấm nang chéo xung quanh nhà chờ	60	120	60	5
11.1	Kiểm tra , quan sát bằng trực quan hệ thống thanh giằng, khung thép kết cấu.	5	10	5	5
11.2	Trong trường hợp các thanh giằng bị bung mối hàn, bị gãy.	0	0	0	5
11.3	Chuẩn bị nguyên vật liệu đúng quy cách và máy hàn chuyên dụng.	10	20	10	5
11.4	Sử dụng thang chuyên dụng, căn chỉnh đủ độ cao, ổn định	5	10	5	5
11.5	Tiến hành định vị thang bằng dây bảo hiểm	5	10	5	5
11.6	Nhân viên kỹ thuật, phải tiến hành thắt dây an toàn chuyên dụng trước lúc di chuyển lên mái nhà chờ	5	10	5	5
11.7	Tiến hành hàn. Trả lại lan can đảm bảo chắc chắn, ổn định	30	60	30	5
12	Tường vách nhà chờ	60	480	60	5
12.1	Tiến hành di chuyển, quan sát bằng trực quan toàn bộ bề mặt tường bo của nhà chờ.	5	40	5	5
12.2	Trong trường hợp bong tróc nhiều vị trí, kích thước từ 5cm ² . Thì phải thực hiện sơn phủ lại	0	0	0	5
12.3	Sử dụng dụng cụ chuyên dụng, vật liệu sơn đúng quy định.	10	80	10	5
12.4	Sử dụng dụng cụ chuyên dụng, vệ sinh, chà sạch bề mặt	10	80	10	5
12.5	Tiến hành pha sơn, thực hiện sơn phủ các vị trí bị bong tróc.	5	40	5	5
12.6	Thực hiện sơn 2 lớp (thời gian giữa lớp 1 và 2 khoảng 4÷5 giờ), tùy thuộc vào thời tiết. Đảm bảo lớp sơn thứ nhất phải hoàn toàn khô, thì mới thực hiện sơn lớp thứ 2.	30	240	30	5
13	Mặt sàn nhà chờ	40	80	60	4
13.1	Kiểm tra rà soát toàn bộ gạch sàn nhà, sàn thép (Nhà chờ Nguyễn Tuấn)	0	0	0	4
13.2	- Quan sát bằng trực Quan toàn bộ phần gạch lát nền, xác định vị trí bong tróc, vỡ (số lượng viên gạch hoặc diện tích)	5	10	7,5	4

TT	Nội dung công việc	Giờ công bảo dưỡng định kỳ (phút/nhà chờ)			Cấp bậc công việc
		Thời gian thực hiện /1 nhà chờ/ 24 tháng	Trạm Yên Nghĩa	Trạm Kim Mã	
13.3	- Lên kế hoạch, công tác chuẩn bị các nguyên vật liệu, vật tư và dụng cụ để sửa chữa, thay mới nếu cần. Thời gian khắc phục, sửa chữa đảm bảo trong thời gian ngắn nhất.	10	20	15	4
13.4	- Tiến hành tháo dỡ những vị trí gạch bị bong tróc, vỡ	5	10	7,5	4
13.5	- Pha trộn vật tư lót và căn đều, đảm bảo lúc lát phải đạt tiêu chuẩn về mặt phẳng, cao độ cung của sàn nhà	15	30	22,5	4
13.6	- Tiến hành vật dụng, dây chuyên dụng, để cảnh báo không được di chuyển tại vị trí vừa thi công. đảm bảo độ ổn định, sau đó Tháo dỡ cảnh báo. Hoàn trả mặt bằng	5	10	7,5	4
Tổng số phút thực hiện BDSC		1.966	5.818	3.938	

ĐỊNH MỨC VẬT TƯ, NGUYÊN VẬT LIỆU PHỤC VỤ BẢO DƯỠNG ĐỊNH KỲ NHÀ CHỜ BRT

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng/ nhà chờ/ lần BDSC	Tổng số vật tư/ 23 nhà chờ/ lần BDSC
I.	Vật tư phục cho bảo dưỡng thiết bị công nghệ nhà chờ			
1	Dầu tra cho các thiết bị động cơ	Lít	0,015	0,3
2	Mỡ tra	Kg	0,05	1,2
3	Đinh Vít cá đầu dù	Bịch	0,5	11,5
4	Đinh Vít tự khoan Inox đầu bằng	Kg	0,5	11,5
5	Băng dính cách điện	Cuộn	1	11,0
6	Băng Tan	Cuộn	0,5	5,0
7	Chổi quét chuyên dụng 2 cm	Cái	2	46,0
8	Chổi quét chuyên dụng 4 cm	Cái	2	46,0
9	Chổi quét chuyên dụng 6 cm	Cái	2	46,0
10	Khăn lau chuyên dụng (40x40)	Cái	2	46,0
II.	Vật tư phục cho bảo dưỡng hạ tầng nhà chờ			
11	Đinh Vít bắn tôn	Bịch	0,5	11,5

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng/ nhà chờ/ lần BDSC	Tổng số vật tư/ 23 nhà chờ/ lần BDSC
12	Keo chuyên dụng	Ống	10	230
13	Sơn kết cấu thép	Kg	0,5	10
14	Sơn kết xây dựng	Kg	0,5	10
15	Đinh Vít bắn tôn đầu chìm	Bịch	0,5	11,5
16	Đinh Vít bắn mái trần nhựa	Bịch	0,5	11,5
17	Dây hàn Inox	Cuộn	1	1
18	Que hàn	Bó	1	1
19	Giấy ráp	Tờ	5	115
20	Bàn chải sắt	Cái	5	115

PHỔ

✍